

# TINH TÚ PHÁP KINH

Bản cập nhật tháng 03/2015

Kinh Mật Giáo: <http://kinhmatgiao.wordpress.com>

## KINH CÁC TINH MẪU ĐÀ LA NI

Hán dịch: Sa Môn PHÁP THÀNH ở chùa Cam Châu Tu Đa dịch  
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức **Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ) trụ trong làng xóm lớn ở nơi hoang vắng. Chư **Thiên** (Deva) với **Rồng** (Nāga), **Dược Xoa** (Yakṣa), **Càn Thát Bà** (Gandharva), **A Tu La** (Asura), **Ca Lô La** (Garuḍa), **Khẩn Na La** (Kimnara), **Mạc Hồ Lạc Ca** (Mahoraga), các **Ma** (Māra), **Nhật** (Āditya), **Nguyệt** (Soma), **Huỳnh Hoặc** (Aṃgaraka), **Thái Bạch** (Śukra), **Trần Tinh** (Śanaīścara), **Dur Tinh** (Budha), **Tuế Tinh** (Vṛhaspati), **La Hầu** (Rāhu), **Trường Vĩ Tinh Thần** (Ketu), **28 Tú** (Aṣṭa-vimśati-nakṣatra), các Đại Chúng... thấy đều khen ngợi câu Thệ Nguyện của các **Đại Kim Cương** (Mahā-vajra), uy nghiêm ngồi trên **tòa Sư Tử** (Simhāsana) trang nghiêm cùng với các **Bồ Tát** đồng tụ hội một chỗ

Tên các vị ấy là: **Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-Pāṇi), **Kim Cương Phần Nộ Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-caṇḍa), **Kim Cương Bộ Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-cāpahasta), **Kim Cương Cung Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-vikurvita), **Kim Cương Chủ Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-adhipati), **Kim Cương Trang Nghiêm Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-alamkāra), **Kim Cương Quang Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-jyoti), **Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát** (Avalokiteśvara), **Phổ Kiến Bồ Tát Ma Ha Tát** (Samanta-avalokiteśvara), **Thế Gian Cát Tường Bồ Tát Ma Ha Tát** (Loka-śrīya), **Liên Hoa Tràng Bồ Tát Ma Ha Tát** (Padma-ketu), **Quảng Diện Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vikṣitavaktra), **Hoa Nhân Bồ Tát Ma Ha Tát** (Padma-netre), **Diệu Cát Tường Bồ Tát Ma Ha Tát** (Maṃjuśrī), **Từ Thị Bồ Tát Ma Ha Tát** (Maitreya)... Các vị Đại Bồ Tát Tăng trước sau vây quanh chiêm ngưỡng nói Pháp. Pháp ấy tên là **Quảng Đại Trang Nghiêm Như Ý Bảo Châu** (Cintāmaṇi-mahā-vyūha-alamkāra) với chặng đầu, khoảng giữa, chặng cuối đều tốt lành; câu nghĩa tốt đẹp màu nhiệm không lẫn lộn, **thanh tịnh** (Vīśuddha), **Phạm Hạnh** (Brahma-caryā) trong trắng

Bấy giờ Kim Cương Thủ Bồ Tát quán sát Đại Chúng xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, dùng Thân Lực của mình nhiễu quanh Đức Thế Tôn trăm ngàn vòng, làm lễ rồi trụ trước mặt, giữ vật ngồi dựa của mình, dùng Thiện Giã Phu ngắm nhìn Đại Chúng, đưa Kim Cương Chương an trên trái tim của mình rồi bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Có Ác Tinh (sao xấu ác) kia có hiện tượng phạt cực ác, đủ tâm mãnh lợi; hiện tượng phạt giận dữ não loạn hữu tình, cướp đoạt tinh khí hoặc đoạt tài lợi hoặc cướp đoạt mạng sống, khiến người trường thọ bị đoản thọ. Như vậy não loạn tất cả hữu tình. Vì nhóm như vậy nên con nguyện xin Đức Thế Tôn hiển bày Pháp Môn thủ hộ tất cả loài hữu tình”.

Đức Thế Tôn bảo rằng: “Lành thay! Lành thay! Ông hay hưng tâm Đại Bi, vì lợi cho tất cả các hữu tình cho nên hỏi Như Lai nghĩa bí mật thâm sâu. Nay ông hãy lắng nghe ! Hãy suy nghĩ cho khéo, Ta sẽ nói Pháp giận dữ phá hoại của Ac Tinh ấy với nói nghĩa bí mật của sự cúng dường, hành thí, niệm tụng

Nếu hành cúng dường sẽ cúng dường

Nếu làm việc ác sẽ gây ác

Như vậy các Tinh (ngôi sao) hiện tượng phạt

Làm sao khiến cho sinh vui vẻ?

Chư **Thiên** (Sura) cùng với các **Phi Thiên** (Asura)  
Nhóm Khẩn Na La với các RỒNG  
Các hàng Dược Xoa và La Sát  
Người với **Ca Đa Phú Đa Na** (Kaṭaputana)  
Các Đại Thần uy đức mãnh lợi  
Sân nô, làm sao mà diệt hết?  
Ngôn từ bí mật, Pháp cúng dường  
Nay sẽ thứ tự mà tuyên nói

Khi ấy từ trên trái tim của Đức Thích Ca Như Lai phóng ra ánh sáng Du Hý của Tâm Từ nhập vào trong chân tóc trên đỉnh đầu của các Tinh (ngôi sao)

Lúc đó Nhật, Nguyệt, tất cả Tinh Thần từ chỗ ngồi đứng dậy đem các cung Trời cúng dường Đức Thích Ca Như Lai, quỳ gối sát đất, chấp tay làm lễ rồi bạch Phật rằng: “Đức Thế Tôn Như Lai Ứng Cúng Chính Chân Đẳng Giác vì lợi ích cho chúng con! Nguyên xin Đức Thế Tôn tuyên nói Pháp Môn khiến cho chúng con tụ tập để thủ vệ, phòng hộ bậc Thầy nói Pháp, khiến được may mắn tốt lành, xa lìa dao gậy, tiêu diệt thuốc độc, tác kết Giới”

Bấy giờ Đức Thích Ca Như Lai liền nói Pháp **Cúng Dường Tinh** với dùng Mật Ngôn Đà La Ni là:

**Án, mô hô la ca gia, toa ha** (OM MEGHOLKĀYA SVĀHĀ)

**Án, thi đang xa tế, toa ha** (OM ŚITĀMŚAVE SVĀHĀ)

**Án, lạc lạc đương già câu ma la dã, toa ha** (OM RAKTĀMGA-KUMĀRĀYA SVĀHĀ)

**Án, báo hiệt dã, báo hiệt dã, toa ha** (OM BUDHĀYA BUDHĀYA SVĀHĀ)

**Án, báo già, a tất bà hiệt thế, toa ha** (OM VRHASPATAYE SVĀHĀ)

**Án, ha tu la tát đa ma dã, toa ha** (OM ASURA-UTTAMĀYA SVĀHĀ)

**Án, cật lý tất nang bá la na dã, toa ha** (OM KṚṢṆA-VARṆĀYA SVĀHĀ)

**Án, a mật đa tất lý gia, toa ha** (OM AMṚTA-ŚRĪYA SVĀHĀ)

**Án, tạ đề yết đa tế, toa ha** (OM JYOTIḤ-KETAVE SVĀHĀ)

Kim Cương Thủ! Đây tức là Tâm Chú bí mật của **tám Tinh** (8 ngôi sao? 9 ngôi sao), đọc tụng liền thành tựu. Nên làm một cái Đàn hương dài 12 ngón tay, trong đó bày vật cúng dường. Hoặc dùng vật khí bằng sành sứ, hoặc đồng, hoặc vàng, bạc... phụng hiến cúng dường, mỗi một lần cúng dường nên tụng 108 biến.

Kim Cương Thủ! Sau đó tụng ngôn từ bí mật của **Chư Tinh Mẫu Đà La Ni** này đầy đủ bảy biến thì tất cả các Tinh (ngôi sao) sẽ làm ủng hộ, hết thấy sự nghèo túng đều được giải thoát, mạng tướng muốn dứt sẽ được sống lâu.

Kim Cương Thủ! Nếu Bất Sô, Bất Sô Ni, Ô Ba Sách Ca, Ô Ba Tư Ca với loài hữu tình khác... nếu lỡ tai được nghe qua sẽ chẳng bị chết yểu.

Kim Cương Thủ! Trong **Chư Tinh Đàn** bày cúng dường xong, mỗi ngày đọc tụng thì tất cả các Tinh (ngôi sao) đó vì ước nguyện của vị Thầy nói Pháp ấy sẽ khiến cho đầy đủ và các việc nghèo túng, đồng loại với điều ấy đều được tiêu diệt

Bấy giờ Đức Thích Ca Như Lai liền nói **Chư Tinh Mẫu Đà La Ni**. Tức nói Chú là:

**Nam mô phật đà gia** (NAMO BUDDHĀYA)

**Nam mô bà tạt-la đà la gia** (NAMO VAJRA-DHARĀYA)

**Nam ma bát ma đạt la gia** (NAMAḤ PADMA-DHARĀYA)

**Nam ma tát bà già la ha** (NAMAḤ SARVA GRAHĀ)

Nam ma tát bà a xa ba la bồ ca nam (NAMAḤ SARVA-  
AŚĀPARIPŪRAKĀNĀM)

Nam ma nặc xa đa la nam (NAMAḤ NAKṢATRĀNĀM)

Nam ma đỏa đa xa la thi nam (NAMAḤ DVĀDAŚA-RĀŚĪNĀM)

Đát tha : Một đễ, một đễ (TADYATHĀ: BUDDHE BUDDHE)

Bá trất la, bá trất la (VAJRA VAJRA)

Bát minh, bát minh (PADME PADME)

Sa la. sa la (SARA SARA)

Bát sa la, bát sa la (PRASARA PRASARA)

Tam bà la, tam bà la (SMARA SMARA)

Cơ đa gia, cơ đa gia (KRĪDA KRĪDA)

Ma la ma la (MARA MARA)

Ma cật đà, ma cật đà (MARDA MARDA)

Già hiệt gia (GHATĀYA)

Tát bà bích kiến (SARVA VIGHNĀM)

Câu lỗ, câu lỗ (KURU KURU)

Tấn na, tấn na (CHINDA CHINDHA)

Khất xá ba gia, khất xá ba gia (KṢEPAYA KṢEPAYA)

Phiến chi công đê (‘SĀNTI KUNDE)

Hiệt ma gia, hiệt ma gia (NAMĀYA NAMĀYA)

Đốt lỗ đa nễ đật xa gia, yết ma nam (TRŪ SADHĀRI ŚAYA KARMĀNĀM)

Bạc già bạc đế (BHAGAVATI)

Lạc xoa gia, lạc xoa gia (RAKṢĀYA RAKṢĀYA)

Ma na bà ba lý ba lam (MANA SAPARIVĀRĀM)

Sa la ba la đô vương tát trà (SARVA SATVĀNĀM CA)

Tát bà cật ha (SARVA-GRAHĀ)

Na khất xa đa la (NAKṢATRA)

Pha đa ma bá nễ (PADMA-PĀṆE)

Bá la nễ (PŪRAṆI)

Bá la bạc già bạc đế (PARA-BHAGAVATI)

Ma ha ma duệ (MAHĀ-MĀYE)

Tát đà gia đốt tát trà ma xa gia (SARVA DUṢṬĀM NĀŚAYA)

Ba ba nễ (APĀPANI)

Ma tán đễ tán đễ (MĀ CAṆḌE CAṆḌE)

Đô lỗ đô lỗ (DHURU DHURU)

Tán đễ mưu du mưu du (CAṆḌE MUSU MUSU)

Tư mưu tư mưu, ha bà ha tế (CUMU CUMU HAVĀ HAVE)

Óc cật lý óc cật ha (UGRE UGRA)

Đa mê bố la gia mê (DHAPE PŪRAYA ME)

Mạt nễ đa lam (MANORTHAM)

Tát bà di tha ca đa (SARVA TATHĀGATA)

A đê tát đê (ADHIṢṬHITE)

Sa ma gia toa ha (SAMAYA SVĀHĀ)

Án toa ha (OM SVĀHĀ)

Hồng toa ha (HŪM SVĀHĀ)

Hột lý toa ha (HRĪḤ SVĀHĀ)

Hồng toa ha (HŪM SVĀHĀ)

Di hàng toa ha (DHĪḤ SVĀHĀ)

**Bát ma hiệt la toa ha (PADMA-DHARA SVĀHĀ)**  
**A trất đả gia toa ha (ĀDITYA SVĀHĀ)**  
**Tô ma gia toa ha (SOMĀYA SVĀHĀ)**  
**Hiệt la nễ tu đả gia, toa ha (DHARAṆĪ-SUTĀYA SVĀHĀ)**  
**Một tha gia, toa ha (BUDHĀYA SVĀHĀ)**  
**Bột đả tất tất ba đê duệ, toa ha (VRĤASPATAYE SVĀHĀ)**  
**Tịch già la gia, toa ha (ŚUKRĀYA SVĀHĀ)**  
**Cật xa na, bặt na gia, toa ha (KRṢṆA-VARṆĀYA SVĀHĀ)**  
**La ha tế , toa ha (RĀHAVE SVĀHĀ)**  
**Điều đả tế, toa ha (KETAVE SVĀHĀ)**  
**Một tha gia, toa ha (BUDDHĀYA SVĀHĀ)**  
**Bá tạt la đật la gia, toa ha (VAJRA-DHARĀYA SVĀHĀ)**  
**Bát ma hiệt la, toa ha (PADMA-DHARA SVĀHĀ)**  
**Câu ma la gia, toa ha (KUMĀRĀYA SVĀHĀ)**  
**Nặc khát xa đả la nan, toa ha (NAKṢATRĀṆĀM SVĀHĀ)**  
**Tất bà điều bát đả la bá nan, toa ha (SARVA-UPADRAVĀNĀM SVĀHĀ)**  
**Án, tát bà bá tỷ đê bát bát, toa ha (OM SARVA-VIDE PHAT PHAT SVĀHĀ)**

Kim Cương Thủ! Đây là câu Chú bí mật của **chư Tinh Mẫu Đà La Ni** thành biện tất cả căn bản của các việc.

Kim Cương Thủ! Câu Chú bí mật của Đà La Ni này, từ tháng chín, ngày bảy (07) của kỳ Bạch Nguyệt thì bắt đầu làm, đầy đủ trường tịnh (trong sạch lâu dài) đến ngày 14 cúng dường các Tinh (ngôi sao) rồi ngày 15 của tháng thọ trì

Nếu có thể ngày đêm đọc tụng, cho đến đủ chín năm thì không sợ chết, cũng không có sao lưu chuyển (tinh lưu) rơi rụng gây sợ hãi . Cũng không có Nguyệt Tú gây điều ác đáng sợ mà nhớ Túc Mệnh. Cũng hay cúng dường tất cả các Tinh (ngôi sao). Tất cả các Tinh (ngôi sao) tùy theo ước nguyện mà trao cho.

Bấy giờ các Tinh (ngôi sao) lễ Đức Thế Tôn xong liền khen rằng: “*Lành thay!*” rồi đột nhiên chẳng hiện

## KINH CÁC TINH MẪU ĐÀ LA NI \_MỘT QUYỀN (Hết)\_

Hiệu chỉnh xong ngày 12/09/2013

## PHẬT NÓI KINH THÁNH DIỆU MẪU ĐÀ LA NI

Hán dịch : Truyền Giáo Đại Sư PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch

Việt dịch : HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe, một thời Đức Phật ngự tại Đại Thành A Noa Ca Phộc Đê (Anāḍakavati). Bấy giờ có vô số Trời (Deva), **Rồng** (Nāga), **Dạ Xoa** (Yakṣa), **Càn Đát Bà** (Gandharva), **A Tu La** (Asura), **Ca Lô La** (Garuḍa), **Khẩn Na La** (Kimnara), **Ma Hầu La Gia** (Mahoraga), **Người** (Manuṣya), **Phi Nhân** (Amanuṣya) với **Mộc Tinh** (Vṛhaspati), **Hỏa Tinh** (Aṅgāraka), **Kim Tinh** (Śukra), **Thủy Tinh** (Budha), **Thổ Tinh** (Śanaiścara), **Thái Âm** (Soma), **Thái Dương** (Āditya), **La Hầu** (Rāhu), **Kế Đô** (Ketu), **28 Diệu** (?28 Tú) (Aṣṭa-vimśata-nakṣatra) của nhóm như vậy cung kính vây quanh.

Kim Cương Tam Muội Trang Nghiêm Đạo Trường này lại có vô số ngàn Bồ Tát Ma Ha Tát chúng. Tên các Vị ấy là : **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-Pāṇi), **Kim Cương Phần Nộ Bồ Tát** (Vajra-caṇḍa), **Kim Cương Quân Bồ Tát** (Vajra-sena), **Kim Cương Bá Ni Bồ Tát** (Vajra-cāpahasta), **Kim Cương Chủ Bồ Tát** (Vajra-adhipati), **Kim Cương Trang Nghiêm Bồ Tát** (Vajra-alaṃkāra), **Kim Cương Minh Bồ Tát** (Vajra-jyoti), **Kim Cương Số Bồ Tát** (Vajra-vikrama), **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara), **Phổ Quán Thế Bồ Tát** (Samanta-avalokiteśvara), **Cát Tường Bồ Tát** (Loka-śrīya), **Liên Hoa Tràng Bồ Tát** (Padma-ketu), **Liên Hoa Tạng Bồ Tát** (Padma-garbha), **Liên Hoa Mục Bồ Tát** (Padma-netre), **Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya), **Văn Thủ Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát Ma Ha Tát** (Mañjuśrī-dharma-rāja-putra). Các Vị Đại Bồ Tát của nhóm như vậy cung kính vây quanh.

Đức Phật vì tất cả mà thuyết Pháp: Sơ thiện, Trung thiện, Hậu thiện. Nghĩa đó thâm sâu, ngôn ngữ sảo diệu, thuần nhất không tạp, đầy đủ thanh bạch, trang nghiêm như ý.

Lúc đó, Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, dùng sức thần thông nhiễu quanh bên phải Đức Thế Tôn trăm ngàn vòng, cúi đầu làm lễ rồi ngồi Kiết Già, dùng mắt thanh tịnh quán sát Đại Chúng xong liền chấp tay Kim Cương bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Có các Tú Diệu, hình mạo hung ác, tâm nhiều phần nộ, não hại chúng sinh. Hoặc chặt đứt mệnh căn, hoặc tổn hoại tài bảo của con người, hoặc làm giảm sút tinh thần của con người, hoặc cần tuổi thọ của con người. Như vậy gây tổn não cho tất cả chúng sinh. Nguyện xin Đức Thế Tôn nói Pháp Chính Mật để tác ứng hộ”

Đức Phật bảo: “Lành thay! Lành thay! Ông có lòng Từ Mẫn, hay vì lợi ích cho tất cả chúng sinh mà hỏi về Pháp bí mật tối thượng của Như Lai. Nay ông hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì ông mà nói.

Này Kim Cương Thủ! Các Tú Diệu ác cùng với hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Đát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhân, Phi Nhân....như vậy, nên dùng nước Át Già tối thượng, âm nhạc... y theo Pháp gia trì, mỗi mỗi cúng dường khiến cho họ vui vẻ diệt trừ các ác “

Thời ở ngay trong trái tim của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tuôn ra ánh hào quang lớn tên là BI QUANG nhập vào đỉnh đầu các Tú Diệu. Trong khoảng sát na tất cả Tú Diệu với nhóm Nhật, Nguyệt liền từ chỗ ngồi đứng dậy cúi đầu làm lễ dưới chân Đức

Phật rồi quỳ gối phải sát đất chấp tay cung kính bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Đức Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác! Nguyên xin ban ân nhiếp thọ! Hãy vì chúng con mà nói Chính Pháp. Nếu chúng con nghe được sẽ ủng hộ Hữu Tinh, khiến cho họ không có nỗi hại cùng với hết thảy sự cấm buộc cột trói (Cấm Phộc) đao kiếm, Độc trùng, tất cả thứ bất độc . Con sẽ kết Địa Giới để làm ủng hộ”

Bây giờ Đức Thích Ca Như Lai liền nói CÚNG DƯỜNG TÚ DIỆU CHÂN NGÔN:

**Án \_ Minh cử la-ca dã \_ Sa-phộc hạ** (OM MEGHOLKĀYA SVĀHĀ )

**Án \_ Thi đán xả vĩ \_ Sa-phộc hạ** (OM ŚITĀM-ŚAVE SVĀHĀ)

**Án \_ Lạc khất-đán nga câu ma la dã \_ Sa-phộc hạ** (OM RAKTĀMGA-KUMĀRĀYA SVĀHĀ)

**Án \_ Mạo đà dã, mạo đà dã \_ Sa-phộc hạ** (OM BUDHĀYA BUDHĀYA SVĀHĀ)

**Án \_ Bộ nga sa-ba na dã \_ Sa-phộc hạ** (OM VRHASPATĀYA SVĀHĀ)

**Án \_ A tô la tát đa ma dã \_ Sa-phộc hạ** (OM ASURA -UTTMĀYA SVĀHĀ)

**Án \_ Khất-lý sắt-noa phộc la-noa dã \_ Sa-phộc hạ** (OM KṚṢṆA-VARNĀYA SVĀHĀ)

**Án \_ A mật-lý đa bát-lý dạ dã \_ Sa-phộc hạ** (OM AMṚTA ŚRĪYĀYA SVĀHĀ)

**Án \_ Nhũ đễ kế đa phệ \_ Sa-phộc hạ** (OM JYOTIḤ-KETAVE SVĀHĀ)

Bây giờ, Đức Thế Tôn nói Chân Ngôn xong liền bảo Kim Cương Thủ Bồ Tát rằng: “Cửu Diệu Chân Ngôn như vậy, người niệm đều được thành tựu. Trước hết nên y theo Pháp dùng nước thơm xoa **Man Noa La** (Maṇḍala: Đàn Trường) rộng 12 ngón tay. Hoặc dùng vật khí bằng vàng bạc, hoặc vật bằng đồng, vật bằng sành sứ hiến nước Át Già cúng dường Tinh Diệu, dùng Chân Ngôn trước đều niệm 108 biến thì việc mong cầu ắt đều thành tựu “

Đức Phật bảo: “Này Kim Cương Thủ Bồ Tát! Nay Ta lại nói Đà La Ni tên là THÁNH DIỆU MẪU có sức lực của Đại Minh hay làm việc ủng hộ. Tất cả Tú Diệu nghe được đều vui vẻ. Nếu có Bất Sô, Bất Sô Ni, Ưu Bà Tác, Ưu Bà Di nghe Kinh Điển này ở Man Noa La hiến Át Già cúng dường, niệm Chân Ngôn này 7 biến liền được giàu có, cao sang, trường thọ. Nếu mỗi ngày đều trì tụng thì tất cả Tú Diệu ấy hay làm cho thỏa mãn tất cả ý nguyện của Hữu Tinh.

TÚ DIỆU MẪU ĐÀ LA NI là:

**Năng mô la đát-năng đát-la dạ dã** (NAMO RATNA-TRAYĀYA)

**Năng mô một đà dã** (NAMO BUDDHĀYA)

**Năng mô phộc nhật-la đà la dã** (NAMO VAJRA-DHĀRĀYA)

**Năng mô bát nại-ma đà la dã** (NAMO PADMA-DHĀRĀYA)

**Năng mô tát phộc cật-la ha nản \_ Tát phộc thương bà lệ bố la ca noãn** (NAMO SARVA GRAHĀṆĀM \_ SARVA AŚAM PARIPŪRAKĀṆĀM)

**Năng mô nhược khất-xoa đát-la noãn** (NAMO NAKṢATRĀṆĀM)

**Năng mô nạp-phộc na xả la thi nam** (NAMO DVĀ- DAŚA RŚĪNĀM)

**Đát nễ-dã tha : Án \_ Một đệ** (TADYATHĀ: OM BUDDHE)

**Phộc nhật-lý, phộc nhật-lý** (VAJRI VAJRI)

**Bát nại-mính** (PADMI)

**Sa la. Sa la** (SARA SARA)

**Bát-la sa la, bát-la sa la** (PRASARA PRASARA)

**Sa-ma la, sa-ma la** (SMARA SMARA)

**Khất-lý noa dã, khất-lý noa dã** (KṚṢṆĀYA KṚṢṆĀYA)

**Mật lý-noa dã** (VARNĀYA)

Già đa dā, già đa dā (JATĀYA JATĀYA)  
 Tát phộc vĩ cận-năng (SARVA VIGHNĀM)  
 Cự lỗ, cự lỗ (KURU KURU)  
 Thân na, thân na (CCHINDA CCHINDA)  
 Tần na, tần na (BHINDA BHINDA)  
 Sát bả dā, sát bả dā (STAMBHĀYA STAMBHĀYA)  
 Phiến đế, phiến đế (ŚĀNTI ŚĀNTI)  
 Nan đế, nan đế (NĀNDE NĀNDE)  
 Na ma dā, na ma dā (NAMĀYA NAMĀYA)  
 Nạp-lỗ đất na lệ xá dā tát-ma nam (TRŪ SADHĀRI ŚAYA ATMANĀM)  
 Ma Ma (MAMA)  
 Lạc khát-xoa, lạc-khất xoa (RAKṢA RAKṢA)  
 Tát phộc tát đất-phộc thất tả (SARVA SATVĀNĀM CA)  
 Tát phộc nhược khát-sát đất-la, khát-la ha bế nản (SARVA NAKṢATRA  
 GRAHEBHĪYAH)  
 Ma nễ lệ-phộc la duệ (MADIRVARĀYE)  
 Bà nga phộc đế (BHAGAVATI)  
 Ma hạ ma duệ , bát-la sa đà dā (MAHĀ-MĀYE PRASĀDHAYA)  
 Tát phộc bá bá nễ di (SARVA PĀPAN IME)  
 Tát phộc tát đất-phộc nan (SARVA SATVĀNĀM)  
 Tán ni, tán ni (CAṆḌI CAṆḌI)  
 Độ lỗ, độ lỗ (DHURU DHURU)  
 Bà nga phộc đế (BHAGAVATI)  
 Tán ni, tán ni (CAṆḌI CAṆḌI)  
 Tô mẫu, tô mẫu (SUMU SUMU)  
 Tổ mẫu, tổ mẫu (CUMU CUMU)  
 Bà phộc bà phệ (BHAVĀ BHAVE)  
 Ô cật-lị, ô cật-la (UGRI UGRA)  
 Đa bế bố la dā (DHAPE PŪRĀYA)  
 Ma ma (MAMA)  
 Tát phộc tát đất-phộc nan tả (SARVA SATVĀNĀM CA)  
 Ma nễ la tha (MANORTHA)  
 Tát phộc đất tha nga đa địa sắt-xỉ đa tam bà duệ\_ Sa-phộc hạ (SARVA  
 TATHĀGATA ADHIṢṬITA SAMBHAVE \_ SVĀHĀ)  
 Ân \_ Sa-phộc hạ (OM SVĀHĀ)  
 Hồng \_ Sa-phộc hạ (HŪM SVĀHĀ)  
 Ngật-lăng\_ Sa-phộc hạ (HRĪḤ SVĀHĀ)  
 Thông\_ Sa-phộc hạ (DHŪḤ SVĀHĀ)  
 Định\_ Sa-phộc hạ (DHĪḤ SVĀHĀ)  
 Phộc nhật-la đà la dā\_ Sa-phộc hạ (VAJRA-DHĀRĀYA SVĀHĀ)  
 Bát nại-ma đà la dā\_ Sa-phộc hạ (PADMA-DHĀRĀYA SVĀHĀ)  
 A nãnh đễ-dā dā \_ Sa-phộc hạ (ĀDITYĀYA SVĀHĀ)  
 Tô ma dā\_ Sa-phộc hạ (SOMĀYA SVĀHĀ)  
 Đà la ni tô đa dā \_ Sa-phộc hạ (DHARAṆI SUTĀYA SVĀHĀ)  
 Mẫu đà dā\_ Sa-phộc hạ (BUDHĀYA SVĀHĀ)  
 Vật-lý hạ tát-ba đa duệ\_ Sa-phộc hạ (VRHASPATĀYE SVĀHĀ)  
 Túc khát-la dā \_ Sa-phộc hạ (ŚUKRĀYA SVĀHĀ)  
 Ngật-lý sắt-noa phộc la-noa dā \_ Sa-phộc hạ (KṚṢṆA-VARNĀYA SVĀHĀ)



La hạ phệ\_ Sa-phộc hạ (RAHUVĒ SVĀHĀ)  
Ca đa phệ\_ Sa-phộc hạ (KETUVĒ SVĀHĀ)  
Một đà dã\_ Sa-phộc hạ (BUDDHĀYA SVĀHĀ)  
Phộc nhật-la đà la dã\_ Sa-phộc hạ (VAJRA-DHĀRĀYA SVĀHĀ)  
Bát na-ma đà la dã\_ Sa-phộc hạ (PADMA-DHĀRĀYA SVĀHĀ)  
Câu ma la dã\_ Sa-phộc hạ (KUMĀRĀYA SVĀHĀ)  
Nhược khật-xoa đất-la nản\_ sa-phộc hạ (NAKṢATRĀṆĀM SVĀHĀ)  
Tát lý vũ ba na-la phộc nản\_ Sa-phộc hạ (SARVA UPADRAVANĀM SVĀHĀ)

Ấn\_ Tát li-phộc vĩ nễ, hồng, phát tra \_ Sa-phộc hạ (OM SARVA VIDE HŪM PHAT SVĀHĀ)

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói Đà La Ni này xong , liền bảo Kim Cương Thủ Bồ Tát rằng: “Nay, bí mật tối thượng của Chân Ngôn này là hay cho chúng sinh mãn tất cả nguyện. Nếu có người cầu sự trường thọ thì vào ngày mùng bảy tháng tám bắt đầu thọ trì trai giới đến đêm ngày 14 y theo Pháp cúng dường Tú Diệu cho đến ngày 15, trong một ngày đêm đọc tụng Đà La Ni này thì người đó sẽ sống lâu đến 99 năm. Hết thấy hàng Lô Diễm, Rồng, Quỷ, các Tinh Diệu ác đều chẳng có thể gây sợ hãi. Lại được Túc Mệnh Trí, mọi sở nguyện đều như ý “

\_Khi ấy tất cả Tú Diệu nghe lời Đức Phật nói đều khen ngợi rằng: “Lành thay! Lành thay! Thật là hiếm có! Chúng con xin thọ trì”. Nói xong liền cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Thế Tôn rồi đột nhiên chẳng hiện.

## PHẬT NÓI KINH THÁNH DIỆU MẪU ĐÀ LA NI (Hết)

Do 2 bài Chân Ngôn trong Kinh Bản của chữ Hán (No.1302 và No.1303), phiên âm tiếng Phạn có sai khác, nên phần phục hồi Phạn Ngữ không được chuẩn xác.

Nay tôi xin dùng bản Phạn “**Ārya-graha-mātrkā Nāma Dhāraṇī**” của trang **Dharani-sangraha** (Nepal) ghi chép lại để người đọc tham khảo.

### 1\_ Cúng Dường Tú Diệu Chân Ngôn:

OM MEGHOLKĀYA SVĀHĀ  
OM ŚITĀMŚAVE SVĀHĀ  
OM RAKTĀṆGA-KUMĀRĀYA SVĀHĀ  
OM BUDHĀYA SVĀHĀ  
OM VṚHASPATAYE SVĀHĀ  
OM ASURA-UTTAMĀYA SVĀHĀ  
OM KṚṢṆA-VAR, NĀYA SVĀHĀ  
OM RĀHAVE SVĀHĀ  
OM JYOTIḤ-KETAVE SVĀHĀ

### 2\_ Tú Diệu Mẫu Đà La Ni (Gṛha-mātrka-nāma-dhāraṇī)

OM NAMO RATNA-TRAYĀYA  
OM NAMO BUDDHĀYA  
OM NAMO DHARMĀYA  
OM NAMAḤ SAṂGHĀYA  
OM NAMO VAJRA-DHARĀYA  
OM NAMAḤ PADMA-DHARĀYA  
OM NAMAḤ KUMĀRĀYA  
OM NAMAḤ SARVA-GRAHĀṆĀM SARVA-AŚĀ-PARIPŪRAKĀṆĀM  
OM NAMAḤ NAKṢATRĀṆĀM  
OM NAMO DVĀ-DAŚA- RĀŚĪNĀM

OM NAMAH SARA-UPADRAVĀṆĀM  
TADYATHĀ:

OM BUDDHE BUDDHE \_ ŚUDDHE ŚUDDHE \_ VAJRE VAJRE \_  
PADME PADME \_ SARA SARA \_ PRASARA PRASARA \_ SMARA SMARA \_  
KRĪDA KRĪDA \_ KRĪDĀYA KRĪDĀYA \_ MARA MARA \_ MĀRAYĀ  
MĀRAYĀ \_ MARDAYA MARDAYA \_ STAMBHA STAMBHA \_  
STAMBHĀYA STAMBHĀYA \_ GHĀṬA GHĀṬA \_ GHĀṬAYA GHĀṬAYA \_  
MAMA SARVA-SATTVĀNĀṆCA VIGHNĀN CCHINDA CCHINDA BHINDA  
SARVA-VIGHNĀN NĀŚANĀM KURU KURU MAMA  
SAPARIVĀRASYA SARVA-SATTVĀNĀṆCA

KĀRYAM KṢEPAYA KṢEPAYA MAMA SARVA-SATTVĀNĀṆCA  
SARVA-NAKṢATRA-GRAHA-PĪDĀN NIVĀRAYA NIVĀRAYA

BHAGAVATI ŚRĪYAM KURU \_ MAHĀ-MĀYA PRASĀDHAYA SARVA-  
DUṢṬĀN NĀŚAYA

SARVA-PĀPANI MAMA SAPARIVĀRASYA SARVA-SATTVĀNĀṆCA  
RAKṢA RAKṢA

VAJRE VAJRE \_ CAṆḌE CAṆḌE \_ CAṆḌINI CAṆḌINI \_ NURU NURU  
\_ MUSU MUSU \_ MUMU MUMU \_ MUṆCA MUṆCA \_ HAVĀ HAVE UGRE  
UGRA-TARE PŪRAYA

BHAGAVATI MANORATHAM MAMA SARVA-PARIVĀRASYA  
SARVA-SATTVĀNĀṆCA SARVA-TATHĀGATA-ADHIṢṬHITANA-  
ADHIṢṬHITE SVĀHĀ

OM SVĀHĀ

HŪM SVĀHĀ

HRĪH SVĀHĀ

DHŪH SVĀHĀ

DHĪH SVĀHĀ

OM ĀDITYĀYA SVĀHĀ

OM SOMĀYA SVĀHĀ

OM DHARAṆĪ-SUTĀYA SVĀHĀ

OM BUDHĀYA SVĀHĀ

OM VṚHASPATAYE SVĀHĀ

OM ŚUKRĀYA SVĀHĀ

OM ŚANIŚCARĀYA SVĀHĀ

OM RĀHAVE SVĀHĀ

OM KETAVE SVĀHĀ

OM BUDDHĀYA SVĀHĀ

OM VAJRA-PĀṆAYE SVĀHĀ

OM PADMA-DHARĀYA SVĀHĀ

OM KUMĀRĀYA SVĀHĀ

OM SARVA-GRAHĀṆĀM SVĀHĀ

OM SARVA-NAKṢATRĀṆĀM SVĀHĀ

OM SARVA-UPADRAVĀṆĀM SVĀHĀ

OM DVĀ-DAŚA-RĀŚĪNĀM SVĀHĀ

OM SARVA-VIDYE HŪM HŪM PHAṬ SVĀHĀ

Hiệu chỉnh xong ngày 02/12/2008

Mật Tạng Bộ 4 \_ No.1304 ( Tr.422 \_ Tr.423 )

# TÚ ĐIỀU NGHI QUỶ

## \_ MỘT QUYỀN \_

Hán văn: NHẤT HẠNH soạn

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

**Hư Không Tạng Ấn:** Chắp tay lại, buộc ngón Thủy (2 ngón vô danh) ngón Phong (2 ngón trở) như hình bấu.



Chân Ngôn là :

“**Ấn \_ A già sa (1) Ca la ba y dã (2) Ấn ma lệ (3) già ma lệ (4) mẫu lê (5) sa phộc hạ**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\*)OM \_ ĀKĀŚA-GARBHĀYA \_ OM ARI KAMARI MURI \_ SVĀHĀ

Nếu có người muốn cầu Phước Trí nên quy y vị Bộ Tát này. Mặt trời, mặt trăng, ngôi sao đều là sở biến của Hư Không Tạng.

**Văn Thủ Ấn:** Chắp tay lại, giữa trống không (Không Tâm Hợp Chưởng) đem **Cái** (?ngón giữa) đè 2 Thủy (2 ngón vô danh) co 2 Phong (2 ngón trở) vịn đầu ngón Không (2 ngón cái).



Chân Ngôn là:

“**Ấn \_ A vị la hồng khư tả lạc**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\*)OM \_ AH VIRA HŪM KHACARAH

Nếu muốn cầu Túc Tai, cần diệt hết 7 loại tai nạn là: Mặt trời mặt trăng che nuốt, 5 vì sao sai trái mất độ bình thường, binh giặc nổi dậy, nước hạn chẳng đúng thời, gió mưa mất độ, bầy tột phản nghịch gây tổn hại cho quốc dân, cọp sói thú ác ăn nuốt chúng sinh, lúa gạo (Ngũ cốc) chẳng được mùa. Tai họa như vậy với sự sợ hãi về ách nạn cấp thời thuộc quan phủ và tai ách bị chết thuộc nạn vua chúa... thấy đều tiêu tan.

**Phổ Hiền Ấn:** Chắp tay lại, giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng)



Chân Ngôn là:

**“Chi ba trác (Quyết định) Tỳ ni ba trác (Cắt đứt cột buộc) Điều tô ba trác (châm dứt sinh tử)”**

Chú này, bình thường buổi sáng tụng 7 biến, ban đêm tụng 7 biến thì Yểm My, Dã Đạo, Cổ Độc thầy đều bị tiêu diệt. Hay được 3 Giải Thoát về thân tâm. Sau đời này chẳng thọ thân sinh tử, đắc được Pháp Thân. Bên trong bên ngoài đất nước có oán tặc, tất cả người ác, tất cả Quỷ Thần, tất cả trộm cướp, cọp, sói, sư tử, trùng độc, thú ác nghe âm thanh của Chú này đều bị cấm khẩu chẳng thể gây nhiễu loạn được. Trời thay đổi gây ách nạn, mộng ác, tai ương, trăm loài chim quái dị đều tự nhiên bị tiêu diệt. Chẳng thể nói hết được công năng của Chú này.

**Diên Mệnh Ấn:** Tay trái: ngón Hỏa (ngón giữa) và ngón Phong (ngón trỏ) vịn nhau như cầm hoa sen. Tay phải: duỗi thẳng như buồng rữ xuống. Chân Ngôn là:

**“Án \_ Ma chiết la, dụ toái (Con họ tên là) sa phộc ha”**

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ० ॥

\*)OM \_ VAJRA ĀYUṢAI ( ..... ) SVĀHĀ

Nếu tụng Chú này sẽ Diên mệnh (sống lâu) trừ tai

**Đế Thích Thiên Ấn:** Tay trái nắm quyền đặt ở eo. Tay phải co lỏng giữa của 2 ngón Địa (ngón út), ngón Thủy (ngón vô danh) thẳng cứng cùng dính nhau, đặt Phong (ngón trỏ) dính vào lưng Hỏa (ngón giữa), co lỏng giữa của Không (ngón cái).



Chân Ngôn là :

**“Án \_ Nhân nại la dã, sa-phộc hạ”**

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ० ॥

\*)OM \_ INDRĀYA SVĀHĀ

Nếu tụng Chú này sẽ trao cho quan vị, mãn túc mọi mong cầu

**Tỳ Sa Môn Thiên Ấn:** Chắp tay lại giữa rỗng. Giao 2 Không (2 ngón cái) kèm cứng, 2 Phong (2 ngón trỏ) phụ bên cạnh 2 Hỏa (2 ngón giữa) như đầu móc câu sao cho đầu ngón cách nhau một thốn và chẳng chạm dính nhau.



Chân Ngôn là:

**“Án \_ Phệ thất la phộc noa dã, sa-phộc hạ”**

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ० ॥

\*)OM \_ VAISRAVANĀYA SVĀHĀ

Nếu tụng Chú này sẽ được sung túc giàu có lớn, ngày đêm được phòng hộ.

**Nhật Thiên Chân Ngôn là:**

“Năng mô la đất-năng đất-la dạ dã. Năng mô tô lý dã, tát phộc năng khát-sái đất-la la nhạ dã. Án\_ A mô già ô (Danh vị ... ) Thiết đề, sa-phộc hạ”

ॐ अ र व व द य

ॐ अ सु ऽ स त् व र्ज य र्ण य

ॐ अ म च ष्टि रि ति सू त्त

\*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMO SŪRYA SARVA NAKṢATRA RĀJĀYA

OM\_ AMOGHASYA (Danh vị .... ) ŚATRI SVĀHĀ

Nguyệt Thiên Chân Ngôn là:

“Án\_ Chiến đất-la năng khát-sái đất-la la nhạ dã (Danh vị ... ) Thiết đề, sa-phộc hạ”

ॐ व ह् व र्ज य र्ण य रि ति सू त्त

\*)OM\_ CANDRA NAKṢATRA RĀJĀYA (Danh vị .... ) ŚATRI SVĀHĀ

Hỏa Tinh Chân Ngôn là:

“Án\_ A nga la lỗ nghi dã (Danh vị ... ) Sa ha”

ॐ अ ङ् ग र ङ् ग र्ण य सू त्त

\*)OM\_ AṄGĀRAKA ARUGIYA (Danh vị .... ) SVĀHĀ

Thủy Tinh Chân Ngôn là:

“Án\_ mẫu đà năng khát-sái đất-la nễ năng (Danh vị ... ) thể noa ma, sa ha”

ॐ बू द व र्ज य सू त्त

\*)OM\_ BUDHA NAKṢATRA SVĀMINA (Danh vị .... ) KHEDUMA SVĀHĀ

Mộc Tinh Chân Ngôn là:

“Án\_ Ba la ha tát bát đề năng ma tử dá phộc năng sư (Danh vị ... ) Ma la phộc la đà ninh, sa-phộc hạ”

ॐ वृ ढ म्प ण द म पि थ व न य म ल व र्थ द सू त्त

\*)OM\_ VRHASPATIDHA MAPITHAVNAYA (Danh vị ... ) MALA VARTHADI SVĀHĀ

Kim Tinh Chân Ngôn là:

“Án\_ Thú yết la nga đà phộc la nhạ dã (Danh vị ... ) thất lý ca lý, sa-phộc hạ”

ॐ सु क र्ण य र्ण य ष्टि क रि सू त्त

\*)OM\_ ŚUKRA GATHARVA RĀJĀYA (Danh vị .. ) ŚRĪ KARI SVĀHĀ

Thổ Tinh Chân Ngôn là :

“Án\_ Xả nê sát tác la , năng khát sát đất la , bả la ha ma năng lỗ ba dã (Danh vị ..... ) phổ sát đề ca lý, sa ha”

ॐ रि ष्टि र व र्ज य व र्ज य र्ण य पु ष्टि क रि सू त्त

\*)OM\_ ŚANAISCARA NAKṢATRA BRAHMANA RŪPAYA (Danh vị ..) PUṢṬI KARI SVĀHĀ

La Hầu Tinh Chân Ngôn là :

“**Án \_ La hộ năng, a tồ la la nhạ dã, kiền ma xá đô năng dã** (Danh vị ...) **phiến để ca lý , sa phộc hạ**”

ॐ ്രഹുना असुरराजया सोम शतुनया ॥ स्वहा

\*)OM\_ RĀHUNA ASURA-RĀJĀYA SOMA ŚATUNAYA (Danh vị ... ) ŚĀNTI KĀRI SVĀHĀ

**Kê Đô Tinh Chân Ngôn là :**

“**Án \_ Phộc nhật la kếp đô, năng khát sát đát la, la nhạ dã** (Danh vị .... ) **hông , sa phộc hạ**”

ॐ वज्रकेतु नक्षत्र राजया ह्र स्वहा

\*)OM\_ VAJRA KETU NAKṢĀTRA-RĀJĀYA (Danh vị...) HŪM\_ SVĀHĀ

**Cửu Chấp Diệu Thiên Án:** Chấp tay kiên cố, cùng kèm dựng thẳng 2 Không (2 ngón cái) đuôi 2 Phong (2 ngón trỏ) đều mở gốc ngón đưa qua lại.



**Chân Ngôn là :**

“**Án \_ Nghiệt la hệ thấp phộc, lý gia, bát la bát đa, thù để, ma dã, sa phộc hạ**”

ॐ ग्रहेषु प्रपञ्च ज्योतिर्मया स्वहा

\*)OM\_ GRAHEŚVARYA PRĀPTA JYOTIRMAYA SVĀHĀ

**Nhị Thập Bát Tú Án :** Chấp tay kiên cố, kèm 2 Không (2 ngón cái) đứng thẳng để ngay trái tim rồi dùng 2 Không (2 ngón cái) triệu mời.



**Chân Ngôn là :**

“**Án \_ Nhược khát sái đát la niết tô na nễ duệ, sa ha**”

ॐ नक्षत्र निरजदानीये स्वहा

\*)OM\_ NAKṢĀTRA NIRJADANIYE \_ SVĀHĀ

Trước tiên cúng dường nhóm Bồ Tát Thiên gồm Hư Không Tạng , Văn Thù, Phổ Hiền, Diên Mệnh, Đế Thích, Tỳ Sa Môn... sau đó khuyến thỉnh 9 Diệu, 28 Tú, Bản Mệnh Thuộc Tinh (Ngôi sao của bản mệnh) trong Thiên Bắc Đẩu và dùng Thái Sơn Phủ Quân, Ty Mệnh, Ty Lộc cúng bái để cầu xin **Trừ Tai Diên Mệnh** tiêu trừ việc ách hại.

**\_Năng Cát Tường Chân Ngôn là :**

“**Năng mô la đát năng đát-la dạ dã . Năng mộ tồ ma tát la phộc nhược khát sái đát la, la nhạ dã giả. Giả đô địa ba, a lộ ca la dã. Đát nễ dã tha: Nễ ma để bá nễ ma để tát tân nễ khư tế, sa phộc hạ**”

ॐ म् र व द द द

ॐ नमो रत्ना-त्रयया  
नामो सोमा सर्वा नाक्षत्रा-राजया चतुर्थिपा

\*)NAMO RATNA-TRAYĀYA  
NAMO SOMA SARVA NAKṢATRA-RĀJĀYA CATURTHIPA  
ĀLOKARĀYA

TADYATHĀ: OM DUMAPA DUMATISA PANIKHASE SVĀHĀ

Tụng **Cửu Chấp Tứ Tai Đại Bạch Y Quán Âm Đà La Ni** này. Nếu mặt trời, mặt trăng ngự tại cung Bản Mệnh của người và 5 vị sao tại cung Bản Mệnh đầu chiến mất độ thì có thể lập Đạo Trường Đại Bạch Y Quán Âm hoặc Văn Thù Bát Tự, Xí Thịnh Quang Phật Đỉnh... đều y theo Bản Pháp niệm tụng ắt tất cả tai nạn tự nhiên tiêu tán. Tất cả Diệu chướng Cát Tường mà tụng Chân Ngôn này sẽ thành năng cát tường.

Bắc Đẩu Thất Tinh Chân Ngôn là :

“**Án \_ Táp đá năng nhi năng dã, bạn nhạ mật dã, nhiễm phổ tha ma , sa phộc nhĩ năng** (Danh Vị.... ) **la khát sơn bà phộc đồ, sa ha**”

ॐ सप्त जिनया भान्या विजया जम्पुथामा स्वामिना

\*)OM SAPTA JINĀYA BHANYA VIJAYA JAMPUATHAMA SVĀMINA  
(Danh Vị.... ) RAKṢA BHAVATU SVĀHĀ

Nếu **La Hầu** (Rahu), **Kế Đô** (Ketu) ám cung Bản Mệnh Tinh của Hành Giả thì nên tụng **Bắc Đẩu Chân Ngôn** này.

Tất cả Như Lai nói Phá Nhất Thiết Tú Diệu Chương Cát Tường Chân Ngôn là:

“**Án \_ Táp la phộc nhược khát sát đất la, tam ma duệ, thất lý duệ, phiến đễ ca, cụ lỗ, sa phộc hạ**”

ॐ सप्त नक्षत्र समये श्रिये श्रिये कुरु स्वहा

\*)OM SARVA NAKṢATRA-SAMAYE ŚRĪYE ŚĀNTIKA KURU SVĀHĀ

Phẩm Cát Tường Thành Tựu trong Kinh **Kim Cương Tú Thành Tựu** ghi là: Nay Ta nói về Mật Pháp thành tựu tối diệu của Thế Gian. Các **Tú** (Nakṣatra) như vậy vận hành ở Hư Không. Hoặc 1,2,3,4,5 ... lâm vào Mệnh Tú, Đối Xung Tú, Thiên Di Tú, Đại Sát Nghiệp Tú, An Tú, Bạc Tương Tú, Nô Tỳ Tú của chúng sinh mà gây các ách hại. Bốn Diệu (Grahà) đại ác là Hỏa Diệu, Thổ Diệu, La Hầu, Kế Đô thì rất nặng đối với chúng sinh. Lúc đó nên tu các Phước Nghiệp, bố thí rộng rãi, hiền lành, nhân nghĩa. Hoặc y theo Văn Thù Bát Tự Chân Ngôn, hoặc y theo Xí Thịnh Quang Phật Đỉnh, hoặc y theo Bị Diệp Y Quán Âm, hoặc y theo Nhất Tự Vương Phật Đỉnh lập Đàn Trường **Hộ Ma Tứ Tai** to lớn đều y theo Bản Pháp Niệm Tụng cúng dường thì tất cả tai nạn tự nhiên tiêu diệt.

Tác Pháp Thành Tựu thì vào lúc **Tâm Tú** (Jeṣṭha) trực nhật, **Liễu Tú** (Āślesā) trực nhật, **Mão Tú** (Kṛtikā ) trực nhật, **Ngưu Tú** (Abhijit) trực nhật chẳng kể ngày tháng cát hung chỉ ở Tú trực nhật này , trong một ngày chẳng ăn chỉ niệm tụng mãn 1080 biến thì mọi Tâm Nguyên sẽ tương ứng liền được Đại Tất Địa.

Nếu lúc bị ách nạn thì vào ngày sinh của mình (Bản Sinh Nhật) là tương ứng tốt nhất

Nếu tác Mộc Diệu Thành Tựu Pháp thì vào ngày 16 của tháng là tương ứng tốt nhất

Nếu tác Hỏa Diệu Thành Tựu Pháp thì lựa ngày trực nhật ấy là tương ứng tốt nhất

– Nếu tác Thổ Diệu Thành Tụ Pháp thì ngày mồng 7 của mỗi tháng là tương ứng tốt nhất

– Nếu tác Kim Diệu Thành Tụ Pháp thì tùy theo sở kiến phương bình đoán (?Buổi sáng sớm của phương nhìn thấy ) là tương ứng tốt nhất

– Nếu tác Thủy Diệu Thành Tụ Pháp thì y theo Thủy Diệu trực nhật mà tác thành tựu

– Nếu tác La Hầu, Kế Đô Pháp thì y theo ngày sinh của mình (Bản Sinh Nhật) mà làm tương ứng

– Nếu lại cúng dường **Bản Sinh Tú** thì dùng năm tháng sinh của mình (Bản Sinh Niên Nguyệt)

– Nếu dùng ngày sinh của mình thì có thể gặt lấy thành tựu

– Nếu Ác Tú sinh thì mỗi tháng đều cúng dường

– Nếu 3 ngày, 7 ngày cúng dường thì chuyển thành Cát Tường Trục Diêu Mật này dùng để cho người tục biết vậy.

TÚ DIỆU NGHI QUỸ  
\_MỘT QUYÊN (Hết)\_

Hiệu chỉnh xong vào ngày 04/10/2010

Mật Tạng Bộ 4 \_ No. 1305 (Tr.423 \_ Tr.424)

**BẮC ĐẦU THẮT TINH NIỆM TỤNG NGHI QUỸ**

Phạn Hán dịch: Nước Nam Thiên Trúc \_ Tam Tạng KIM CƯƠNG TRÍ

Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

– Bấy giờ Đức Thế Tôn vì tất cả chúng sinh bạc phước ở thời Mật Thế mà nói Giáo Pháp Chân Ngôn. Thời tất cả Nhật, Nguyệt, Tinh Tú đều vân tập trước sau vây quanh, khác miệng cùng lời bạch rằng:” Nguyệt xin Đức Thế Tôn vì chúng con mà nói Thần Chú”

Khi ấy Đức Thế Tôn nói **Bát Tinh Chú** (? Thất Tinh Chú) là :

ॐ स्रुध्रु ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

**“Án, táp đá nhi năng dã, bán hạ, mật hạ dã, nhiễm phổ tha ma, sa-phộc nhĩ năng, la khát-sơn, bà phộc đồ, sa ha”**

\*)OM \_ SAPTA JINAYA BHARJA (?BHAÑJA) VIJAYA JAMPUThAMA SVAMINA (Danh vị... ) RAKSA BHAVATU \_ SVĀHĀ

ÁN MINH ấy trích trong Kinh Kim Cương Đỉnh, Phẩm Thất Tinh



Đức Phật bảo nhóm Tham Lang, Phá Quân rằng: “Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện thọ trì Thần Chú ấy thì các người có ủng hộ không?”

Lúc đó 8 Nữ (Bát Nữ) bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Nếu có người mỗi ngày tụng Thần Chú này thì quyết định trừ diệt hết thảy tội nghiệp, thành tựu tất cả nguyện cầu. Giả sử lại có người, nếu có thể mỗi ngày tụng Thần Chú này 108 biến liền được Tự Thân với tất cả Quyển Thuộc ủng hộ. Nếu hay tụng 500 biến sẽ có sức đại uy thần, trong khoảng chu vi 500 Do Tuần, tất cả Ma Vương với các Ma Chúng, tất cả loài gây chướng, vô lượng Quỷ ác chẳng dám gần gũi, thường được ủng hộ. Bắc Đẩu Bát Nữ, tất cả Nhật Nguyệt Tinh Tú, các Trời Rồng Dược Xoa, loài hay gây chướng nạn... đều bị hoại đứt trong một thời.

Nếu có người muốn cúng dường. Trước tiên phát Tâm bạt tế, ở nơi vắng lặng thanh tịnh dùng hương hoa, thức ăn uống cúng dường, tụng trì Thần Chú, kết An Khê. Như vậy cúng dường thời 8 Nữ với tất cả Quyển Thuộc đều hiện thân tùy ý phụng sự người tu, thành tựu vô lượng nguyện cầu. Như hàng **La Nhạ** (Rāja: vua chúa) liền được vương vị hưởng chi là chút ít Quan Vị vinh diệu của Thế Gian

Nếu cầu Thọ Mệnh sẽ tước bỏ sổ sách Định Nghiệp quay lại giao cho **Sinh Tịch** (Sổ ghi chép sự sống một đời)

Nếu các Quốc Vương, Vương Tử, Đại Thần, Hậu Cung.... Ở trong cung của mình làm **Mạn Trà La** (Maṇḍala: Đàn Trường) như Pháp Hộ Ma, lễ bái cúng dường thì Bắc Đẩu Bát Nữ đều rất vui vẻ cho nên được ở Thắng Vị lâu dài, luôn luôn thọ nhận an vui. Trăm quan trên dưới hoà mục, chẳng hành Phi Pháp. Nhân dân lớn mạnh, lúa gạo sung túc, quốc thổ an ninh không có tai nạn, chẳng hiện điều quái dị, chẳng khởi bệnh tật chết chóc. Bên trong bờ cõi: Oán địch, quần tặc tự nhiên lui tan.

Cho nên dùng Pháp đây rất u bí mật. Đừng có vọng truyền cho người chẳng tin với người Vô Trí vì người Vô Trí chẳng có tâm phân biệt rõ ràng, ý sinh nghi hoặc phỉ báng. Tuy rằng Vô Trí Kim Cương sinh ra hàng **Kim Cương Tử** (Vajra-putra: con của Kim Cương), thường tụng trì **Phật Nhân Mẫu Minh** sẽ thích hợp truyền. Kim Cương Tử tuy Vô trí (không có Trí) nhưng chẳng sinh nghi hoặc phỉ báng cho nên thành tựu Pháp. Hành Giả tuy vui với niềm vui của thế Gian nhưng thâm sâu vẫn hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

03/07/2004

Mật Tạng Bộ 4 \_ No.1036 (Tr.424 \_ Tr.425)

## BẮC ĐẪU THẤT TINH HỘ MA BÍ YẾU NGHI QUỸ

Phạn Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện- Viện Phiên Kinh- QUÁN ĐỈNH A Xà Lê thuật

Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

Nay Ta vì chúng sinh bạc phước của thời Mật Thế nên nói thứ tự Nghi Tắc Cúng Dường Hộ Ma của Bắc Cực Thất Tinh.

Ở trong Tịnh Thất làm một Thủy Đàn hoặc tròn hoặc vuông đều đủ một khuỷu tay. Dùng 5 vị: Mao Hương, Cam Tùng, Hắc Bê, Bạch Giao, Bạch Đàn hòa hợp làm bùn xoa tô. Bên trong Đàn Trường ấy để một cái lò. Thức ăn uống, quả trái chia ra 7 phần để thiêu đốt. Thức ăn là: cơm, thực phẩm, quả trái, bánh, Tô Mật... hoặc ngũ cốc và Nhũ Mộc. Tùy theo **Nhân Mệnh Tinh Tướng** (Tướng vì sao giữ mạng người) mà lựa chọn dùng.



Nếu các Quốc Vương ở trong cung của mình làm Mạn Trà La, như Pháp Hộ Ma, lễ bái, cúng dường thì Bắc Đẩu vui vẻ sẽ ủng hộ cho nên được trụ lâu ở Thăng Vị, luôn nhận an ổn. Hậu, Phi, Phu Nhân, Hậu Cung, Thái Nữ, Vương Tử, Quân Thần, Tam Công, Bách Quan... trên dưới hòa mục chẳng hành Phi Pháp. Nhân dân lớn mạnh, lúa gạo sung túc, quốc thổ an ninh. Bên trong bờ cõi: Oán địch, quần tặc tự nhiên lui tan. Cho nên dùng Pháp ấy rất là Bí Yếu.

BẮC ĐẤU THẤT TINH BÍ YẾU NGHI QUỸ  
\_Hết\_

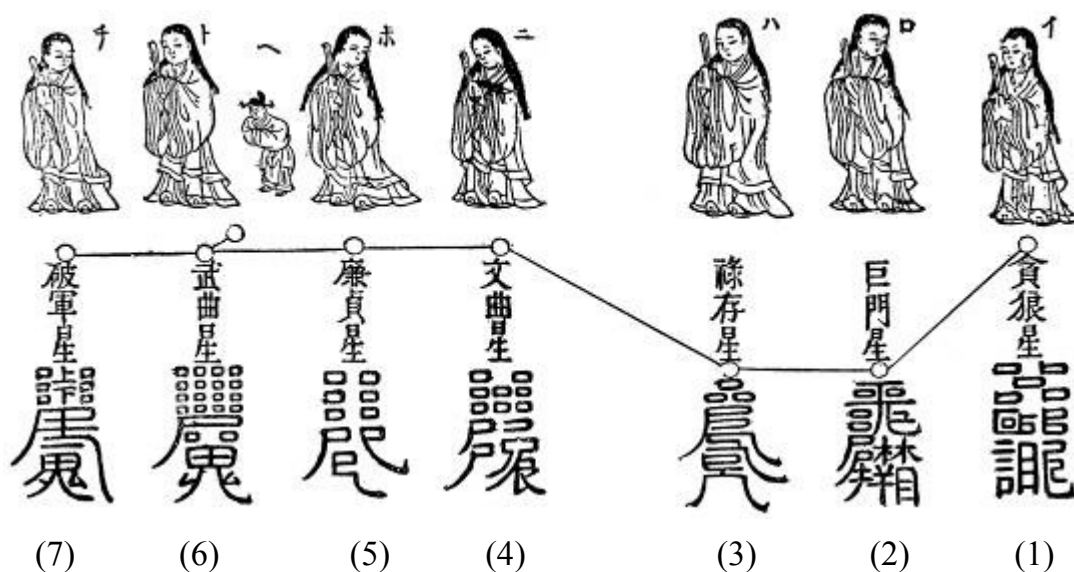
04/07/2004

Mật Tạng Bộ 4 \_ No. 1307 (Tr.425 \_ Tr.426)

PHẬT NÓI KINH  
BẮC ĐẤU THẤT TINH DIÊN MỆNH

Hán dịch: Vị Tăng Bà La Môn đem Kinh này đến dâng cho Đường Triều để thọ tri

Việt dịch: HUYỀN THANH



- 1) Tham Lang Tinh
- 2) Cự Môn Tinh
- 3) Lộc Tồn Tinh
- 4) Văn Khúc Tinh
- 5) Liêm Trinh Tinh
- 6) Vũ Khúc Tinh
- 7) Phá Quân Tinh

\_ Người sinh vào giờ Tý (? Năm Tý) thì hưởng vào vì sao này (Tham Lang Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: lúa mùa (Thử \_ Giống lúa Hoàng Mễ). Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

\_ Người sinh vào giờ Sửu, giờ Hợi cùng hướng vào vì sao này (Cự Môn Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Hạt dẻ. Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

\_ Người sinh vào giờ Dần, giờ Tuất cùng hướng vào vì sao này (Lộc Tồn Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Gạo tẻ (Cánh mễ) . Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

\_ Người sinh vào giờ Mão, giờ Dậu cùng hướng vào vì sao này (Văn Khúc Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Hạt đậu nhỏ (Tiểu Đậu) . Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

\_ Người sinh vào giờ Thìn, giờ Thân cùng hướng vào vì sao này (Liêm Trinh Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Hạt mè (Ma Tử) . Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

\_ Người sinh vào giờ Tỵ, giờ Mùi cùng hướng vào vì sao này (Vũ Khúc Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Hạt đậu lớn (Đại Đậu). Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

\_ Người sinh vào giờ Ngọ thì hướng vào vì sao này (Phá Quân Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Hạt đậu nhỏ. Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát.

\_ Nam mô **Tham Lang Tinh** là **Vận Ý Thông Chứng Như Lai Phật** ở Thế Giới Tối Thắng thuộc phương Đông

\_ Nam mô **Cự Môn Tinh** là **Quang Am Tự Tại Như Lai Phật** ở Thế Giới Diệu Bảo thuộc phương Đông

\_ Nam mô **Lộc Tồn Tinh** là **Kim Sắc Thành Tựu Như Lai Phật** ở Thế Giới Viên Mãn thuộc phương Đông

\_ Nam mô **Văn Khúc Tinh** là **Tối Thắng Cát Tường Như Lai Phật** ở Thế Giới Vô Ưu thuộc phương Đông

\_ Nam mô **Liêm Trinh Tinh** là **Quảng Đạt Trí Biện Như Lai Phật** ở Thế Giới Tĩnh Trụ thuộc phương Đông

\_ Nam mô **Vũ Khúc Tinh** là **Pháp Hải Du Hỷ Như Lai Phật** ở Thế Giới Pháp Ý thuộc phương Đông

\_ Nam mô **Phá Quân Tinh** là **Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai Phật** ở Thế Giới Lưu Ly thuộc phương Đông.

Nếu gặp năm **Tai** tháng **ách** , nên lễ Kinh này 7 bái.

Bấy giờ Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát rằng: “Đã nói Kinh này có đại uy thần, đại uy lực hay cứu tội nặng của tất cả chúng sinh và hay diệt tất cả nghiệp chướng.

Nếu có Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni, Tể Quan, Cư Sĩ, kẻ trai lành, người nữ thiện hoặc giàu sang (phú) hoặc nghèo hèn (tiện) , sinh mệnh lớn nhỏ... đều thuộc sự cai quản (Sở quản) của Bắc Đẩu Thất Tinh. Nếu nghe Kinh này thọ trì, cúng dường, chuyển đọc. Khuyên bạn bè (Minh hữu) , thân tộc, cốt nhục thọ trì thì đời này được Phước, đời sau sinh lên cõi Trời.

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện hoặc có người quá cố (Tiên Vong) bị đọa ở Địa Ngục hoặc chịu mọi thứ Cấm Khổ. Nếu nghe Kinh này mà tôn kính cúng dường thì người quá cố kia liền được lìa chốn Địa Ngục được vãng sinh về Thế Giới Cực Lạc.

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện hoặc bị Quỷ My xâm chiếm, Tà Ma quấy nhiễu, mộng ác quái dị khiến hồn phách kinh sợ. Nếu nghe Kinh này mà thọ trì cúng dường thì hồn phách liền được an ninh, vĩnh viễn không có sự sợ hãi.

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện hoặc mang thân sĩ quan nhận lệnh sai đi hành quân (Chinh hành). Nếu gặp Kinh này mà tin kính cúng dường liền được chuyển sang địa vị sĩ quan cao cấp, rất được đại cát

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện hoặc thân bị bệnh tật ràng buộc mà muốn cầu cho nhẹ nhàng hết bệnh thì nên ở Tĩnh Thất đốt hương cúng dường Kinh này sẽ được khỏi mọi tật bệnh.

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện muốn được tiến đạt, xuất hành lo liệu công việc cầu tài xứng toại, buôn bán phát đạt. Nếu gặp Kinh này mà tin kính cúng dường liền được cầu tài vừa ý, ra vào đại cát.

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện hoặc nuôi Tằm bị hư hao, lục súc chẳng yên. Nên ở Tĩnh Thất đốt hương cúng dường Kinh này liền được ruộng Tằm vừa ý, lục súc đông đầy, vĩnh viễn không bị tổn thất cũng không có tai chướng.

Nếu có người nữ mang thai, suốt tháng khó khăn. Nếu gặp Kinh này mà tin kính cúng dường thì mẹ con liền được phân giải, tiêu trừ ách nạn. Sinh con trai gái đều được quả báo đoan chính sống lâu.

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện biết được Bắc Đẩu Thất Tinh cai quản sinh mệnh con người thì trong một đời : hết thầy tai ách, miệng tiếng đồn đãi, trăm việc quái lạ... Nếu gặp Kinh này mà tin kính cúng dường thì không có một điều gì có thể gây phương hại được”.

Bấy giờ Văn Thù Sư Lợi nói xong thì kẻ trai lành, người nữ thiện đều cung kính tin nhận, làm lễ rồi giải tán

## PHẬT NÓI KINH BẮC ĐẤU THẤT TINH DIÊN MỆNH \_Hết\_

05/07/2004

Mật Tạng Bộ 4\_ No.1309 (Tr.452\_ Tr.459)

## THẤT DIỆU TINH THẦN BIỆT HÀNH PHÁP

[Từ **Dục** (Uttara-phalgunī), **Kế** (Ketu): **Đê Tinh** (Viśākhā) chẳng thích hợp, **Phòng Tinh** (Anurādhā) thì thuận hợp]

Hán văn: NHẤT HẠNH soạn  
Việt dịch: HUYỀN THANH

Tang Giêng, ngày 15 (Dục: Uttara-phalgunī)  
Tháng hai, ngày 15 (Giác: Citrā)  
Tháng ba, ngày 15 (Đê: Viśākhā)  
Tháng tư, ngày 15 (Tâm: Jeṣṭha)  
Tháng năm, ngày 15 (Cơ: Pūrva-āṣāḍhā)  
Tháng sáu, ngày 15 (Nữ: Śravaṇā)  
Tháng bảy, ngày 15 (Thất: Pūrva- bhādrapadā)  
Tháng tám, ngày 15 (Lâu: Āśvinī)  
Tháng chín, ngày 15 (Mão: Kṛtikā)

Tháng mười, ngày 15 (Chủ: Mṛga-sīrasas: Tuy Tú)  
Tháng mười một, ngày 15 (Quý: Puṣya)  
Tháng mười hai, ngày 15 (Tinh: Maghā)

Hoàng Đế **Huyền Tôn**, năm đầu Khai Nguyên, một đêm đối phó với **Đông Bình**, lia cung điện rồi hạ trại ở bên cạnh binh lính. Lúc đó **Huyền Tôn** mang Hòa Thượng **Nhất Hạnh** theo hầu, đột nhiên **Nhất Hạnh** làm Pháp hạ đọa các Quỷ do các **Tinh Thần** (ngôi sao) cai quản, đều tụ tập lại, chịu sự bó buộc răn dạy của **Sắc Pháp** (Pháp thuộc sắc lệnh)...hết thấy đều được xét hỏi thời biết các **Tinh Thần**, **28 Tú Thần** đều cùng cai quản loài Quỷ hành bệnh, tổng cộng có 30 Quỷ ngày đêm thường dạo ở nhân gian, dựa vào người bị suy yếu liền được no say. Ở nhà của **Chính Vương** thì không do đâu mà được thức ăn uống ấy.

Khi ấy, sao chép rồi tâu lên **Huyền Tông**: “Chỉ có Bệ Hạ là người duy nhất nhận được”

Pháp này, sau **Huyền Tôn** thì nước **Thục** may mắn có người ở nhà của **Cao Lự Sĩ** được truyền bản này. Đến nay, Thiên Hạ ít có ai hơn được, ngàn vàng chẳng truyền. Như ngày có được, rõ ràng y theo Pháp cúng tế, mới chẳng mất một thứ gì. Con đường thông suốt lưu lại, không có gì hơn được điều này vậy.

\_Quý Vương **Phó Ưu Bà** thấu cảm các Quỷ hành bệnh đi theo 28 Tú. Phàm muốn biết bệnh tật của nhân gian đều do nhóm hành bệnh thuộc sự cai quản của 28 Tú gây ra. Pháp này, mỗi mỗi thông với Thần Thông, có tên gọi là **Tây Quốc Thất Diệu Biệt Hành Pháp**

**Bảy Diệu** (Sapta-grahāṇi) tức là nơi cai quản **28 Tú** (Aṣṭāvimsati nakṣatrāṇi), 28 Tú tức là nơi cai quản Hành Bệnh Quý Vương. Trước tiên nên nhớ kỹ ngày của bảy Diệu.

Liên Chủ Nguyệt rằng: “Ngày nay là **ngày bí mật** (mật nhật), nhóm **28 Tú** thuận với nhóm **Giác Tinh** (Citrā) **trực nhật**, gấp rút như lửa (hỏa cấp) vì (họ tên.....) thấu cảm Quỷ ấy, đều hạn định ngay trong ngày khiến cho khỏi bệnh. Nếu trái ngược thời chẳng thể được, liền dùng đinh sắt đóng bên trên bên dưới bàn tay bàn chân của Quỷ ấy”

\_Nếu muốn biết ngày của 28 Tú, chỉ cần kiểm 12 tháng lúc trước là tháng nào? Được ngày ghi bên dưới, liền đều từ lúc trước lúc sau của ngày 15, y theo số thứ tự của **Tú**. Cách loại trừ này sẽ xác định được **Tú** không có sai lầm. Số trước ngày 15 là 14, 13. Số sau ngày 16 tức là 17, 18... Trong đó có 30 con Quỷ, hai Tú là **Văn Tinh**, **Thần Tinh**. Tức trong 28 Tú chẳng liệt kê hai Tú này, xác định tên gọi chỉ hướng theo ngày mà loại ra rồi phụ thêm vào 28 Tú liền đúng.

Hai ngôi sao **Văn Tú**, **Thần Tú** du hành không có hạn kỳ xác định dừng lại ở đâu, bởi thế chẳng định liệt kê tên gọi. Người hiểu đọc tìm mà tự biết. Khi đã vẽ Quỷ ấy thời mỗi mỗi đều nên như Pháp, chẳng được thấy điểm tô vẽ màu, đều nên như Pháp: Rượu, thịt khô, giấy tiền... mỗi mỗi y hướng theo thứ tự ghi bên dưới 28 Tú.

Người Hiền đã được các sự bí mật sâu xa thì ngàn vàng chẳng truyền. Điều này mới thông suốt con đường lưu lại thứ tự, cần phải bảo trọng cất giữ trong rương, đừng để cho kẻ Tiểu Nhân có được. Đạo của Trời chẳng cho phép tiết lộ. Đạo này tinh nhiệm, ở đời không có thứ gì hơn được Pháp này vậy

Quý Vương **Phó Ưu Bà** thông lãnh các chúng Quỷ, thường dạo ở Thê Gian làm cho chúng sinh: có nhiều bệnh tật, người được sống đến trăm tuổi... đều phải trải qua nhận chịu.

Mười hai người này đồng một **Giáo**. Nếu người có Phước mạnh thì được sống thọ đủ một trăm năm, nếu người có mệnh yếu đều chịu theo khuôn mẫu gây trở ngại mà chết, không có hạn số, thật đáng thương vậy!...

\_Bấy giờ Đại Phạm Thiên Vương cùng với các Tinh Tú, các hàng Thần, các hàng chúng sinh của Ta, khiến biết Thiện Ác. Nay sẽ cho kêu gọi Quý Vương ứng với thời gian bị bệnh ấy cùng với Tỉn Danh của Ta.

Quý Vương hợp với Quý hành bệnh, tổng cộng có 30 người du hành không có chỗ trụ xác định (định trụ), thường ở tại đường đi của nhân gian, người phạm không thể biết.

Gom hết nơi thâm quản của 28 Tú, chỉ ghi chép **ngày bị bệnh** với **khí cúng tế chữa bệnh** mà nói.

Tức nên vẽ lấy **hình của Quý trực nhật** kèm viết tên của **Quý ấy** rồi khiến cho **Tú Trực Vương** thâm cấm thì người bị bệnh ấy, ngay trong ngày liền khỏi bệnh, đều y theo đây, lại thực hành Pháp dụng tức không có bệnh gì chẳng khỏi. Có điều bệnh đây đều nên ghi nhớ ngày bị bệnh, mỗi mỗi y theo Pháp này mà **cấm chế**. Quý ấy bị ghi chép rồi thì trong khoảng một trăm năm chẳng dám đến cửa nhà vậy



**Mão Tinh** (Kṛtikā) **trực nhật**: Quý ấy tên là **Hắc Lâm ni**. Ngày này thì Quý hành bệnh này đột nhiên ở bên đường đi, đánh người ngã xuống, khiến mất âm giọng chẳng nói chuyện được.

Nên vẽ hình của Quý này và viết tên Quý ấy. Ở trong nhà người bệnh, đốt một chén đèn, dùng một chén rượu trong, một miếng thịt khô trắng... cúng tế **Mão Tú**. Người bệnh ấy ngay trong ngày nói chuyện được. Lại chẳng nên cầu xin vị **Thần Kỳ** (thần đất) khác, ngay trong ngày cúng tế đều nói họ tên của người bệnh với Mão Tú, lại bái lạy xong, chẳng được nói chuyện với người khác. **Tú** ấy tự biết, ắt cho trâu cảm Quý kia vậy

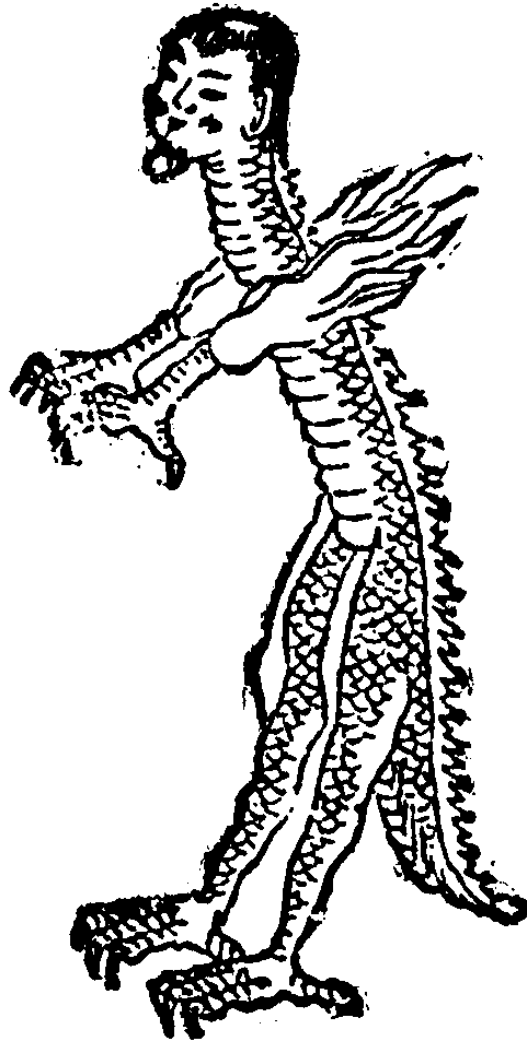
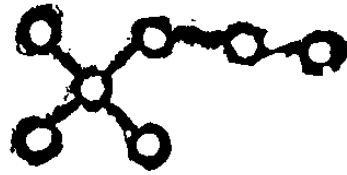




**\_Tất Tinh (Rohiṇī) trực nhật:** Quỷ ấy tên là **Đa Tri Thái**, là Quỷ hành bệnh này khiến trong Tâm con người buồn bực, nóng như lửa, phiền loạn, chuyển động chẳng được, quên trước mắt sau. Đây là sự gây tạo của Quỷ này.

Nên lấy 50 xâu giấy tiền mới, dùng rượu trong, thịt khô trắng. Chọn giờ Ngọ trong ngày, hướng về Chính Nam cúng tế, đều nên nêu rõ họ tên của người bệnh, nên dâng rượu bảy lần, chỉ lễ bái **Tất Tú** không nói chuyện với người khác thì người bệnh ấy ngay trong ngày được khỏi bệnh. Nếu chợt có người hiền thiện mặc áo màu vàng đến gặp gỡ, ắt chẳng cho vào cửa, cần phải ngăn cấm. Y theo lúc trước, vẽ hình Quỷ, đóng đinh sẽ tốt

*(Theo kinh nghiệm khác thì sau khi hết bệnh, phải nhổ đinh ra. Nếu không sẽ bị tai họa)*



**Sâm Tú (Ārdra) trực nhật:** Quỷ ấy tên là **Phục Ứng Sâm Tinh**. Ngày này thì Quỷ hành bệnh này khiến cho con người chột nổi Tâm ác, nghiêng trở nôn mửa chẳng ngừng, hoặc bị nóng lạnh. Đây là sự gây tạo của Quỷ này.

Dùng rượu sạch trong, thịt khô trắng... như Pháp cúng tế **Sâm Tú**, nói họ tên của người bệnh, chỉ lễ bái Sâm Tú, dâng rượu chín lần rồi ngưng, viết hình Quỷ ấy **cấm chế** thì người bệnh liền khỏi. Sau này Quỷ ấy chẳng dám đến trước cửa của người

Ngay lúc cúng tế **Tú** này, nếu có Tăng Ni đi đến giao tiếp thì chẳng được cho vào cửa. Khiến người bệnh trong 21 ngày không được uống rượu, nếu uống rượu sẽ chết. Cần phải tác ý cấm kỵ, chặt đứt. Lại ba lần ghi nhớ ngay trong Tâm, đừng tạm quên mất vậy.



**Liểu Tinh** (Āśleṣā) **trực nhật**: Quý ấy tên là **A Xá Quốc**. Ngày này thì Quý hành bệnh này khiến cho người chột nói lớn chột nói nhỏ như người mất Tâm. Đây là sự gây tạo của Quý này.

Nếu chẳng tin thì người bệnh trong một năm sẽ chết. Quý này thuộc ngôi sao (Liểu Tinh) này, ghi nhớ được ngày bệnh. Nên dùng rượu trong, thịt khô trắng... như Pháp cúng tế **Liểu Tinh**, ngay trong ngày có ứng nghiệm.

Ngay lúc cúng tế thì chẳng được gặp mặt vợ con. Cách lúc cúng tế sau một ngày liền được gặp nhau. Quý ấy trọn đời chẳng dám đến trước cửa, khiến cho người bệnh tăng Phước, kéo dài tuổi thọ đến trăm tuổi không bị chết yểu, một đời vĩnh viễn không có tai địch vạ



**Tinh Tú** (Maghā) **trực nhật**: Quý tên là **Vạn Tùng Thạch**. Ngày này thì Quý hành bệnh này khiến cho người đi lại chẳng được, hoặc nóng lạnh chẳng định. Đây là sự gây tạo của Quý này, thuộc **Tinh Tú** này.

Dùng một trăm xâu giấy tiền, rượu trong cúng tế, một ngày dâng rượu bảy lần rồi ngưng, chẳng được cho người mặc áo trắng đi đến. Giả sử đã đến thì chẳng cho ngồi, cũng chẳng được cho người này biết Pháp cúng tế. Vì người đã đến sẽ bị Quý dùng thể cho người bệnh, thay cho mạng của người vậy, cần phải biết rõ.



**Trương Tú** (Pūrva-phalgunī) **trực nhật**: Quý tên là **Vân Công Kỳ**. Ngày này thì Quý hành bệnh này, thường thích gây bệnh cho nam nữ nhỏ tuổi trong nhà, khiến cho ngời hoặc nóng lạnh, hoặc bị **Thủy Lị** chẳng ngưng. Đây là sự gây tạo của Quý này.

Ngày bị bệnh, dùng 40 xâu giấy tiền, rượu trong, thịt khô trắng...giờ Ngọ bày cúng tế. Trong nhà để một chén đèn. Chú là: “Nam nữ nhỏ tuổi, tên họ là...” chỉ nói rõ thì ngay trong ngày sẽ khỏi bệnh.

Nếu người lớn, ngày này bị bệnh, chẳng cần thiết cúng tế, ba ngày tự khỏi bệnh vậy.



**Dục Tú** (Uttara-phalgunī) **trực nhật**: Quý tên là **Hành Âm Phong**. Ngày này thì Quý hành bệnh này thường thích vào nhà người gây tai vạ cho nam nữ nhỏ tuổi, khiến chột ăn, chột té, mất âm giọng chẳng nói chuyện được. Đây là sự gây tạo của Quý này.

Nên dùng rượu trong, thịt khô trắng cúng tế thì người bệnh ngay trong ngày sẽ khỏi bệnh.

Nếu chẳng tế lễ, chẳng được tên gọi của Quý này thì người bị bệnh, trong ba ngày sẽ chết.

Nếu hiểu biết Pháp cúng tế này, kêu gọi tên của Quý ấy, khiến vị **Tú Thần** này thâm cảm Quý ấy thì nam nữ bị bệnh ngay trong ngày sẽ khỏi bệnh.

Nếu người lớn, ngày này bị bệnh đều chẳng sợ, chẳng cần dùng Pháp cầu tế



**Chẩn Tú (Hasta) trực nhật:** Quý tên là **Đương Nhật Lưu**. Ngày này thì Quý hành bệnh này đột nhiên khiến cho người nôn ọa khan, tim ruột đau buốt chẳng ngừng. Đây là sự gậy tạo của Quý này, thuộc **Chẩn Tú** này.

Nên dùng bảy xâu giấy tiền, rượu trong, thịt khô trắng. Giờ Ngọ trong ngày thời cúng tế, dâng rượu bảy lần rồi ngưng. Viết hình của Quý ấy thâm cấm.

Ngày ngày cúng tế, chợt có một người con gái đi đến thì chẳng nên gọi vào. Nếu chẳng cúng tế Tú này thì trong bảy ngày sẽ chết. Nếu y theo Pháp này cúng tế thì thọ mệnh đến một trăm tuổi, ắt nên tin tưởng sâu xa vậy

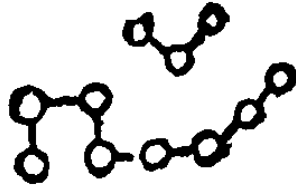


**Cơ Tú** (Pūrva-āṣāḍhā) **trực nhật**: Quý tên là **A Chi Bà**. Ngày này thì Quý hành bệnh này kêu gọi nam nữ nhỏ tuổi trong nhà, chợt bị bệnh nóng sốt, khóc đêm, khóc chẳng dừng. Lâu dài chẳng biết Quý này để cầu tế thì nam nữ bị bệnh trong 14 ngày sẽ chết.

Nên dùng 100 xâu giấy tiền, chọn giờ Thân, ở trong nhà, ngay trong phòng để hai chén đèn. Dùng rượu trong, thịt khô trắng cúng tế **Cơ Tú**, ắt nam nữ ấy ngay trong ngày liền khỏi bệnh.

Nếu người lớn, ngày này bị bệnh thì trong ba ngày tự khỏi.





**Nữ Tú** (Śravaṇā) **trực nhật**: Quý tên là **Ưu Dạ Gia**. Ngày này thì Quý hành bệnh này khiến người đi ra, chạy trên đường lộ, một mình nói lớn nói nhỏ, chẳng biết tốt xấu. Đây là sự gây tạo của Quý này, thuộc **Nữ Tú**

Nên dùng mười sáu giấy tiền, rượu trong, thịt khô trắng cúng tế. Nói rằng: “Xin **Thanh Nữ Tú** cho trâu cầm Quý này”, thì người bệnh ngay trong ngày sẽ khỏi bệnh.

Ngày cúng tế, chợt có người cúng tế (tế nhân) đi đến thì chẳng cho vào. Nếu chẳng báo lại thì Pháp ấy tuy cúng tế xong, cuối cùng không có công dụng. Cầm Kỵ được thì tốt



**Đẩu Tú** (Uttara-āśādhā) **trực nhật:** Quý tên là **Đa Cư Gia**. Ngày này thì Quý hành bệnh này chợt khiến cho tay chân của con người chẳng cử động, dù là hành động nhỏ cũng chẳng được, đều là sự gây tạo của Quý này. Nếu chẳng biết có Pháp thì sau ba năm trở đi, tự khỏi bệnh.

Nên dùng 300 xâu giấy tiền, rượu tốt, thịt khô trắng, chọn giờ Thìn, ở trong nhà, bên trong phòng của người bệnh, để bảy chén đèn, dâng rượu bảy lần rồi ngưng, quay lại nói họ tên của người bệnh, lễ bảy bái thì người bệnh trong bảy ngày hành động được.

Ngày ngày cúng tế, chợt có Tăng Ni đến cửa thì dùng **rượu dâng thưa hỏi** (dùng lời khó khăn để ngăn cản), nếu gắng sức vào ắt có sự đình trệ.



**Chủ Tú** (Mṛga-siras: Tuy Tú) **trực nhật**: Quý tên là **Thường Vô Cực**. Ngày này thì Quý hành bệnh này khiến cho trong nhà không có việc gì, tự nhiên chồng vợ duyên theo việc nhỏ nhặt, cùng nhau phá nhà. Đây là sự gây tạo của Quý này.

Nên dùng 49 xâu giấy tiền, rượu, thịt khô cúng tế. chỉ dâng bái rượu 13 lần rồi ngưng.

Chẳng gặp được Pháp cúng tế này thì nhà ấy, ban đêm chợt có một người ở trong nhà tự đứng mà chết.

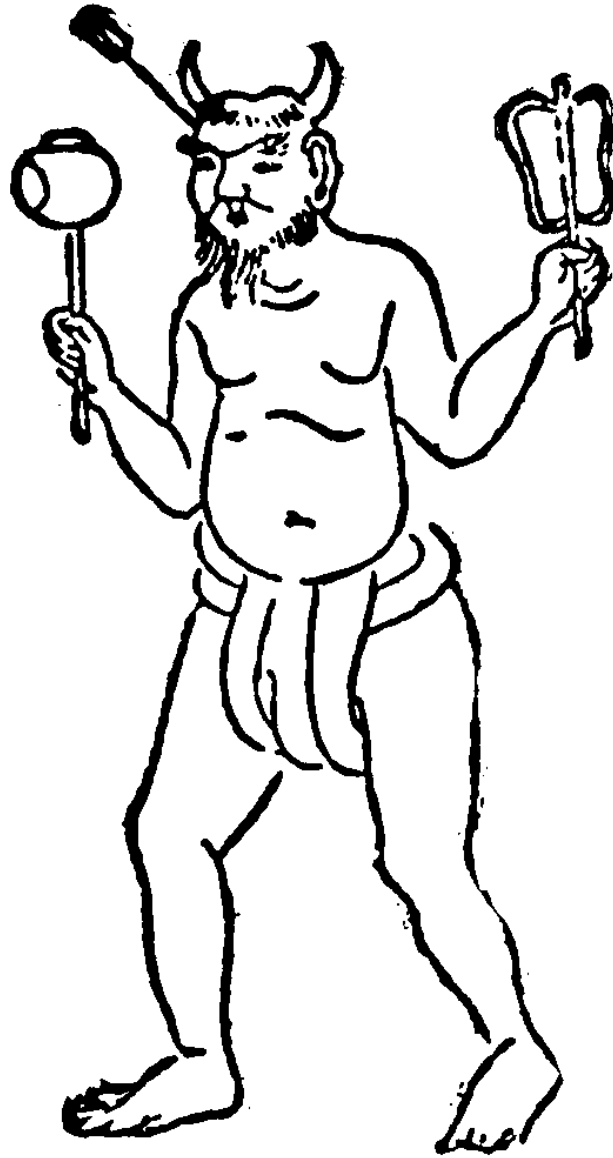
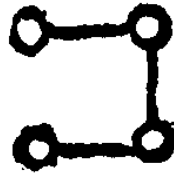
Ngày cúng tế ấy chợt có người nữ đi đến thì chẳng được cho vào cửa, như vậy thân quyền cũng chẳng được vào vì cấm kỵ vậy.



**Giác Tú (Citrā) trực nhật:** Quý tên là **Dạ Cư Sơn**. Ngày này thì Quý hành bệnh này khiến cho con người chột bệnh rét lạnh chẳng ngưng, ăn chẳng được. Đây là sự gây tạo của Quý này, thuộc **Giác Tú** cai quản.

Nên dùng rượu trong, thịt khô trắng, chọn ngày người bệnh gặp tai vạ, dùng bảy xâu giấy tiền cúng tế. Chọn ngày giờ Ngọ thời khiến cho người bệnh ngay trong ngày được khỏi bệnh.

Ngày cúng tế ngôi sao, chột có người mặc áo màu vàng đi đến thì nên thưa hỏi khó khăn, nếu cố gắng vào ắt cho người bệnh thích hợp với sự tốt lành vậy.



**Tinh Tú** (Punarvasu) **trực nhật**: Quý tên là **Văn Độ Trực**. Ngày này thì Quý hành bệnh này khiến cho con người chột tể xuống đất, chết đi rồi sống lại, tức là sự gây tạo của Quý này. Nếu chẳng gặp Pháp này thì người bệnh trong bảy ngày sẽ chết.

Ghi chép được ngày bị bệnh, nên dùng 49 xâu giấy tiền, trà ngon mới cúng tế, chỉ lễ bái **Tú** này bảy bái, chẳng được nói chuyện với người khác.

Ngay lúc cúng tế, chợt có một người nữ đến nhà, khi giao tiếp chẳng được cho vào. Nếu có người nam nhỏ tuổi đến thì dùng rượu dâng mời vào ngồi, bày trà ngon khiến uống một ngụm, tức người bệnh liền khỏi bệnh. Hãy ghi nhớ rõ ràng...



**Quý Tú (Pusya) trực nhật:** Quý tên là **An Tiểu Đê**. Ngày này thì Quý hành bệnh này khiến cho con người trong giấc mộng làm một người nữ, ép bức tinh thần con người, chia rẽ gièm pha, đồn dập nhìn thấy....đây là bản thân của Quý này.

Nhiều lúc chẳng hiểu biết là ngày của Quý này, phát triển thành bệnh **Truyền Thi** (sai khiến thân xác) nhiễm hợp với sự dơ bẩn vẫn đục, bắt thẳng hết người trong một nhà, nhanh chóng sai khiến, bị bệnh trong ba năm liền chết.

Cần phải dùng Pháp này cúng tế với ghi nhớ lúc nằm mộng là Quý Tú đấy. Nên dùng hương của Phật, 100 xâu giấy tiền, trà ngon mới cúng tế thì Quý ấy chẳng dám đi đến gây nã hại, đều nên đóng đinh bên trên bên dưới, ắt hiệu nghiệm vĩnh viễn

*(Theo kinh nghiệm khác thì sau khi hết bệnh, phải nhổ đinh ra. Nếu không sẽ bị tai họa)*



**Đê Tú** (Viśākḥā) **trực nhật**: Quý tên là **Nan Phù**. Ngày này thì Quỷ hành bệnh này chột khiến cho con người **sớm lạnh chiều nóng** đều là sự gây tạo của Quỷ này, thuộc **Đê Tú**

Nên dùng 49 xâu giấy tiền, rượu ngon, thịt khô trắng cúng tế. Dâng thịt khô hai lần, dâng rượu chín lần, nên chí Tâm lễ bái **Tú**, chẳng được nói chuyện với người khác.

Ngày ngày cúng tế chột có một đức trẻ khoảng 10 tuổi đi đến trước cửa thì chẳng được cho vào, cần phải ngăn cấm. Tốt nhất nên ghi nhớ dự phòng sẵn thì tốt.



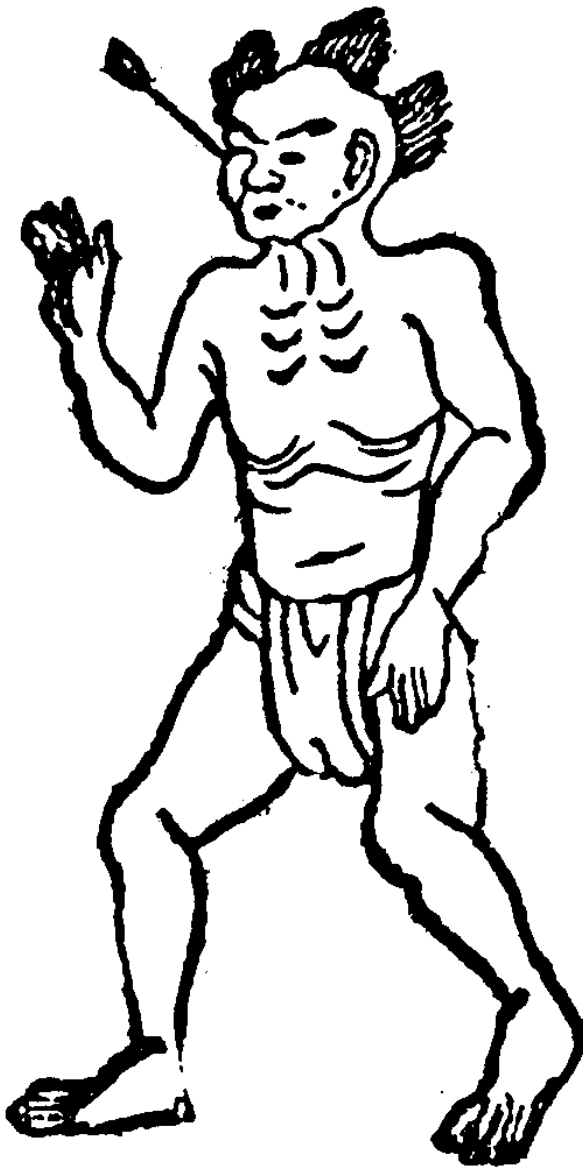
**Phòng Tú (Anurādhā) trực nhật:** Quý tên là **Bách Tuế Công**. Ngày này thì Quỷ hành bệnh này khiến cho con người đi dưng theo thứ tự, như sau lưng có người đi theo, lông tóc dựng đứng rét lạnh. Đây là sự gây tạo của Quỷ này.

Chẳng biết có Pháp cúng tế này, chưa qua khỏi một năm thì thân bị bệnh mất **Tinh Hồn**, đi thẳng đến đường lộ, điên cuồng mà chết.

Nên dùng 200 xâu giấy tiền, rượu ngon, thịt khô cúng tế. Chọn giờ Thân, đốt đèn, dùng năm chén rượu, chẳng được nói chuyện với người khác.

Ngay ngày cúng tế, chợt có người cô độc vào nhà thì người bệnh ấy liền khỏi bệnh, trăm tuổi chẳng chết.





**Tâm Tú (Jeṣṭha) trực nhật:** Quỷ tên là **Thường Dạ Kiến**. Ngày này thì Quỷ hành bệnh này khiến cho con người chột lạnh chột nóng, một ngày ác, một ngày tâm khốn khổ, chẳng chịu ăn uống. Đây là sự gây tạo của Quỷ này.

Nên dùng 120 xâu giấy tiền, rượu trong, thịt khô trắng cúng tế thì người bệnh ấy ngay trong ngày sẽ khỏi bệnh, được thêm thọ mệnh

Nếu chẳng gặp Pháp này thì trong ba năm ắt chết ở xứ người (tha hương)



**Vĩ Tú (Mūlā) trực nhật:** Quý tên là **Bách Hắc Sơn**. Ngày này thì Quý hành bệnh này khiến cho con người bị **âm thũng**, nam nữ đều chẳng chuyển động được thân. Đây là sự gây tạo của Quý này, thuộc sự cân nhắc của **Vĩ Tú**

Nên dùng 49 xâu giấy tiền màu vàng, rượu ngon, thịt khô cúng tế thì người bệnh ấy ngay trong ngày khỏi bệnh, chẳng được cầu xin Thần Quý khác, dâng ba chén rượu chín lần rồi ngưng.

Ngày cúng tế chợt gặp ông lão đi đến trước cửa, ăn nên chịu khó thỉnh vào nhà, dùng lễ cung kính thiết đãi, đừng khinh thường.



**Đẩu Tú** (Uttara-āśādhā) **trực nhật**: Quý tên là **Mộc Lâm Âm**. Ngày này thì Quỷ hành bệnh này khiến cho con người ban đêm chẳng dám đi một mình, khi đi thì mỗi mỗi bước chân tự chạy vội, kèm chế chẳng được. Nếu chẳng gặp Pháp này thì chưa qua một năm hoặc trong 100 ngày sẽ chết.

Nên dùng 100 xâu giấy tiền, rượu tốt, thịt khô trắng cúng tế thì người bệnh ngay trong ngày sẽ khỏi bệnh. Sau khi cúng tế, đang đêm đi một mình không còn sợ sệt, vĩnh viễn chẳng lo sợ, đều nên chú ý vậy



**Kháng Tú (Svātī) trực nhật:** Quý tên là **Viên Xoa Kê**. Ngày này thì Quý hành bệnh này khiến cho con người mờ con mắt chẳng được, tâm ác, nóng lạnh dấy lên, dùng lại chẳng được. Đây là sự gây tạo của Quý này. Quý ấy thuộc **Kháng Tú**

Nên dùng 49 xâu giấy tiền, chọn giờ Ngọ trong ngày, dùng rượu trong tốt, thịt khô trắng cúng tế.

Nếu chẳng gặp Pháp này, tức bệnh nhân đến 49 ngày sẽ chết.

Chỗ cúng tế chẳng được cho người ngoài với con nít đi vào nhà, cần phải cấm kỵ. Tất cả người thân chẳng được vào nhà, rất kỵ vậy.



**Nguy Tú trực nhật:** Quý tên là **Khâu Hành Tiên**. Ngày này thì Quý hành bệnh này khiến cho con người lui mất tinh thần, giống như người ngu si. Trong một năm chẳng gặp Pháp cúng tế này cấm chế s4 khiến người bệnh đi đến chỗ chết. Quý ấy thuộc **nguy Tú**

Nên dùng 120 xâu giấy tiền màu vàng, rượu ngon, thịt khô cúng tế thì ngay trong ngày, tinh thần bình phục. Quý ấy vĩnh viễn chẳng dám đến cửa. Đều nên đóng đinh bên trên bên dưới thân Quý

*(Theo kinh nghiệm khác thì sau khi hết bệnh, phải nhổ đinh ra. Nếu không sẽ bị tai họa)*



\_**Thất Tú** (Pūrva- bhādrapadā) **trục nhật**: Quý tên là **Ngôn Phá Ái** khiến cho con người bị bệnh **Thủy Ly** chẳng ngưng. Nếu chẳng gặp **Pháp cúng tế** này, liền thành **Ác Ly** ắt đến chỗ chết.

Nên dùng 100 xâu giấy tiền, rượu tốt, thịt khô cúng tế thì người bệnh ấy ngay trong ngày sẽ khỏi bệnh.

Ngày cúng tế ấy chợt có nhóm **Độc Quỷ** (Quý cô độc) vào nhà thì chẳng được gây tổn hại, chỉ dùng phương tiện đuổi ra chẳng cho vào, tức được cầm ky

8



**Bích Tú** (Uttara-bhādrapadā) **trục nhật**: Quý tên là **Ba Do Điền** khiến cho con người ở trên nhà xí té xuống, nói năng chẳng được

Nên dùng 49 xâu giấy tiền, rượu ngon, thịt khô trắng như Pháp cúng tế. Nên vẽ loại hình của Quý này, liền chẳng chết, trong bảy ngày dần dần khỏi bệnh, được thêm tuổi kéo dài đến trăm tuổi. Cần phải kính trọng.



**Lâu Tú (Ásvinī) trực nhật:** Quỷ tên là **Lệnh Ni Cư** khiến cho con người: hai bàn chân úng với xương tủy đau buốt, ngồi nằm chẳng được. Đây là sự gây tạo của Quỷ này. Nếu chẳng gặp Pháp cúng tế thì bàn chân ấy liền hư mất.

Dùng chỉ ngũ sắc, 200 xâu giấy tiền, rượu tốt, thịt khô trắng như Pháp cúng tế thì người bệnh trong bảy ngày sẽ khỏi bệnh, liền đi bước nhỏ được.

Ngày cúng tế chẳng được để Tăng Ni vào nhà, cần phải ngăn cấm. Cúng tế xong, các một ngày thì được.

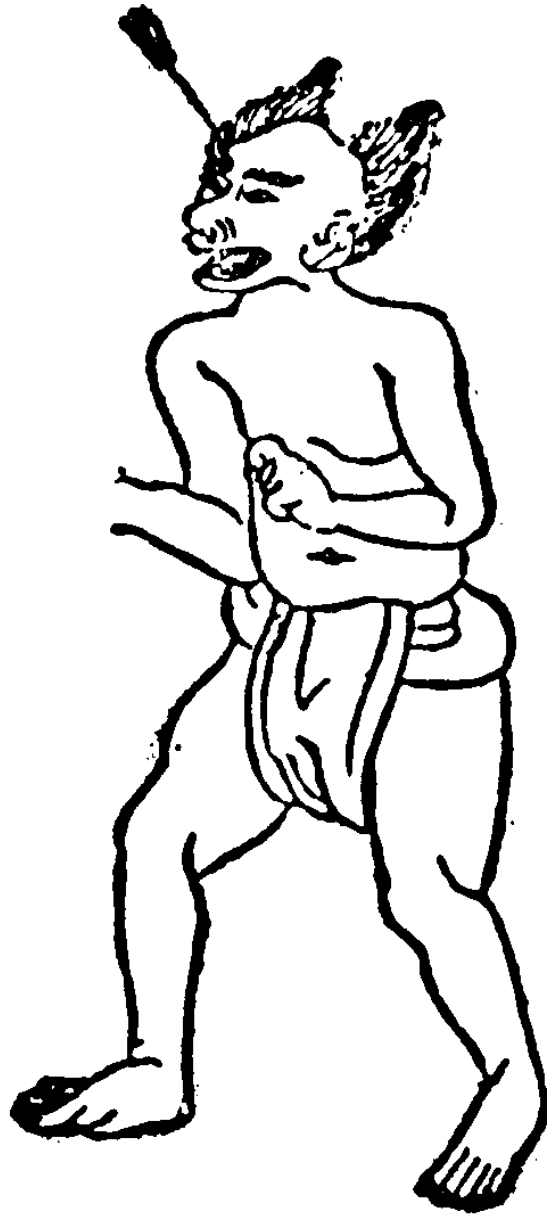




**Khuê Tú trực nhật:** Quý tên là **Hồng Trạch Trí** khiến cho con người tiểu tiện chẳng ra được, Âm Dương đau buốt, hành động chẳng được, trong ba ngày chẳng gặp Pháp cúng tế khiến đến chỗ nguy kịch.

Dùng 120 xâu giấy tiền màu vàng, rượu ngon, thịt khô trắng, vào giờ Mùi thời cúng tế, qua ba ngày chẳng khỏi thì đến chỗ chết.

Quý ấy một này đạo bốn Thiên Hạ được hiểu biết khắp, tức gấp rút như lửa, cúng tế khiến thân cảm ắt sẽ khỏi bệnh.



**Vị Tú (Bharanī) trực nhật:** Quỷ tên là **Độc Chỉ Lâu** khiến cho con người đại tiểu tiện chẳng thông, hoặc lạnh hoặc nóng, chuyển động chẳng được. Nếu chẳng gặp Pháp cúng tế thì trong 3 ngày, 9 ngày ắt đến chỗ chết.

Dùng 49 xâu giấy tiền, rượu ngon, thịt khô cúng tế thì ngay trong ngày sẽ bình phục như cũ.

Ba ngày mới cúng tế thì người bệnh tức khó cứu chữa được.



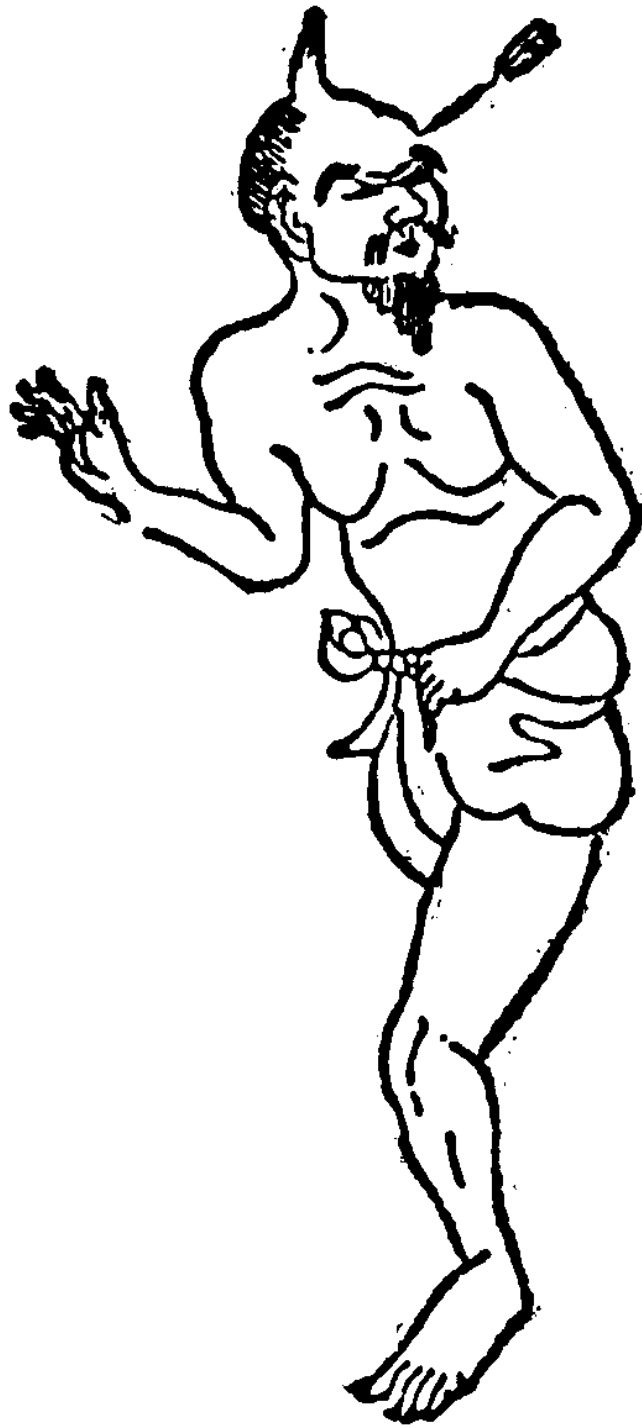
**Hư Tú** (Dhaniṣṭhā) **trục nhật**: Quỷ tên là **Thường Dạ Địch** khiến cho toàn thân con người đau buốt, chuyển động chẳng được. Đây là sự gây tạo của Quỷ này. Kêu gọi riêng **người thầy** (Sư Nhân) thì hạn kỳ trong ba ngày tự khỏi bệnh

Dùng 49 xâu giấy tiền, rượu, thịt khô như Pháp cúng tế thì ngay lúc đó được bình phục như cũ



**Thần Tinh trực nhật:** Quỷ tên là **Bách Phá** khiến cho con người hoặc lạnh hoặc nóng chẳng ngưng, tim đầu lạnh buốt, một hướng kêu la, tiếng khóc chẳng dứt. Nếu chẳng gặp Pháp cúng tế này thì trong năm ngày sẽ chết.

Dùng 120 xâu giấy tiền, rượu, thịt khô cúng tế như Pháp lúc trước, nếu cúng tế đến 7 ngày tức chẳng được công ấy, ắt phải chết, chẳng thể cứu được vậy.



**Văn Tinh trực nhật:** Quý tên là **Hình Phụng Xoa** khiến cho con người: phần phía sau đau buốt như bị tên bắn chẳng thể nhẫn chịu được, đứng ngồi chẳng được. Đây là sự gây tạo của Quý này. Mới biết được liền gấp rút như lửa, dùng rượu, thịt khô như Pháp cúng tế thì ngay trong ngày liền khỏi bệnh.

Nếu ngoài ba ngày mới cúng tế thì bệnh ấy đã nhập vào tứ chi, khó thể cứu chữa được.

***“Sắc cho các hàng Tinh Tú, Quỷ Thần không có việc thì đừng đi lại ở nhân gian. Nếu trái ngược sẽ dùng Pháp Tế. Cấp cấp như luật lệnh”***

\_ Pháp cúng tế **Tinh Tú** khiến dùng nhóm thịt khô, giấy tiền...mỗi mỗi đều y theo Pháp phân biệt lúc trước, dùng chẳng được thiếu một chút nào

Nếu người bệnh chưa khỏi, chỉ xưng họ tên của người bệnh kèm với ngày giờ bị bệnh, lại dùng nói rõ lời: “**Nguyện cho người trong nhà được bình yên**”, chỉ biết chỉ bái hình của Tinh Tú, nên nói rõ họ tên của người bệnh và nên mỗi mỗi vẽ lấy phân biệt hình mạo của các Quý hành bệnh lúc trước, dạy cho người dùng con mắt thấy hình của các Quý, đóng đinh vào tay chân bên trên bên dưới hình Quý, ngày sau tháo cầm. Người bệnh ngay trong ngày được khỏi bệnh xong thì rút cây đinh ấy ra. Quý đã được thả ra, chẳng dám đến nơi cửa vậy.

Mỗi lần hành bệnh tiếp theo, do từng bị người bệnh biết điều này, lại bị nhà đóng đinh, nên mỗi Quý cách xa ngoài năm trăm bước đi, chạy qua và chẳng dám ngoảnh thẳng từ xa vào cửa nhà của **Tú** này

Ngay lúc Chú Nguyện thời mỗi mỗi đều cần phải nói rõ ràng. Nói các Tinh Tú cùng với người bệnh (họ tên là...) ước mong kịp tháo cầm, đừng khiến cho bệnh chẳng thể khỏi. Người bệnh ấy với người bình thường đều chẳng được nằm phơi trần dưới Tinh Tú. Chợt gặp bệnh này thì người chẳng biết sẽ bị chết vậy.

Hãy cẩn thận, cẩn thận, cẩn thận

### THẤT DIỆU TINH THẦN BIỆT HÀNH PHÁP \_Hết\_

27/12/2012

Mật Tạng Bộ 4 \_ No.1310 (Tr.457 \_ Tr.459)

### BẮC Đẩu THẤT TINH HỘ MA PHÁP (PHÚC XÍ THỊNH QUANG PHÁP)

Hán văn: NHẤT HẠNH soạn

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

\_ NẮNG CÁT TƯỜNG CHÂN NGÔN:

“**Nắmg mạc la đất-nắmg đất-la dạ dã. Nắmg mạc tổ ma, đất la-phộc nặc ky-sái đất-la, la nhạ dã, giả đồ địa ba, a lộ ca la dã. Đất nể dã tha : Nổ ma để bả, nổ ma để tát, tân nể khứ tế, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो रत्नत्रये

ॐ नमो सोमसर्वे नक्षत्रेण्यै चतुर्थिपा

लोकारया तद्यथाः ओम द्रुमपा द्रुमतिषा पानिखसे स्वहा

\*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ SOMA SARVA NAKṢATRA-RĀJĀYA \_ CATURTHIPA  
ĀLOKARĀYA

TADYATHĀ: OM\_ DUMAPA DUMATISA PANIKHASE \_ SVĀHĀ

**Bắc Đẩu Thất Tinh Ấn:** Hai tay: 2 Hỏa (2 ngón giữa) 2 Không (2 ngón cái) cùng vịn nhau, 2 Thủy (2 ngón vô danh) hợp mặt ngón, 2 Địa (2 ngón út) 2 Phong (2 ngón trỏ) đều trương thẳng liền thành Ấn (Trích trong A Đà Mật Kinh hoặc Khâu Quyết ....).



Chân Ngôn là :

“**Án, tát đa năng, nhi năng dã, bán nhạ, mật nhạ-dã, nhiễm phổ tha ma, sa-phộc nhĩ năng, la khát-sơn, bà phộc đồ, sa bà ha**”

ॐ म प्र ऋण्य नृ ऋ षण्य ऋण्य मृ षण्य र ष ऋ ऋ षण्य

\*)OM\_ SAPTA-JINĀYA BHANĀJAYA VIJAYA JAMPUATHAMA SVĀMINA RAKṢA BHAVATU \_ SVĀHĀ

**Nhật Thiên Án:** Trước tiên chấp tay. Từ Phong (ngón trỏ) trở xuống 4 ngón cùng dính đầu nhau, ở phương trước mặt mở lớn 2 Không (2 ngón cái) đều dính cạnh ngón Phong (ngón trỏ).



Chân Ngôn là:

“**Năng mạc la đát-năng đát-la dạ dã. Năng mạc tố tị-dã, tát phộc năng khát-sái đát-la, la nhạ dã. An, a mô già tả dã (Danh vị...) thiết để, sa-phộc hạ**”

ॐ म र व व द्य

ॐ मः सु ऋ म त न ऋ ष ऋण्य

ॐ म म च ऋ ऋ ष षण्य

\*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ SŪRYA SARVA NAKṢATRA-RĀJĀYA.

OM\_ AMOGHA-SYA (Danh vị...) ŚATRI \_ SVĀHĀ

**Nguyệt Thiên Án:** Tay Định (tay trái): Hòa (ngón giữa) Không (ngón cái) cùng vịn nhau, các ngón còn lại đều dựng thẳng như cầm hoa sen.



Chân Ngôn là :

“**Án, chiến đát-la , năng khát-sái đát-la, la nhạ dã (Danh vị...) thiết để, sa-phộc hạ**”

ॐ व ष न ऋ ष ऋण्य ऋ ष षण्य

\*)OM\_ CANDRA SARVA NAKṢATRA-RĀJĀYA (Danh vị...) ŚATRI \_ SVĀHĀ

**Nam Phương Hỏa Tinh Ấn:** Tay trái nắm quyền đặt ở eo trái. Tay phải: dựng thẳng 5 ngón dính nhau rồi co Không (ngón cái) vào trong lòng bàn tay, co lỏng giữa của ngón Phong (ngón trỏ) cùng với **Sa Phộc Ha** (Svāhā) triệu mời.



Chân Ngôn là :

“**Án, a nga la ca, a lô** (Danh vị ...) **nghi dã, sa-phộc hạ**”

ॐ ञ्गारका रुगीया स्वहा

\*)OM\_ AṄĠĀRAKA ARUGIYA (Danh vị...) SVĀHĀ

**Bắc Phương Thủy Thiên Ấn:** Tay phải nắm quyền đặt ở eo phải. Tay trái co thành quyền sao cho ngón Không (ngón cái) đùng vào trong quyền, dựng thẳng Phong (ngón trỏ) rồi hơi co lỏng giữa.



Chân Ngôn là :

“**Án, mẫu đà, năng khát-sát đát-la, sa phộc nhĩ năng** (Danh vị...) **khế nô ma, sa-phộc hạ**”

ॐ बुद्धनाक्षत्रा स्वामिना खेदुमा स्वहा

\*)OM\_ BUDHA-NAKṢTRA SVĀMINA (Danh vị...) KHEDUMA \_ SVĀHĀ

**Đông Phương Mộc Tinh Ấn:** Hai tay kết Kim Cương Hợp Chương, dựng thẳng 2 Không (2 ngón cái).



Chân Ngôn là:

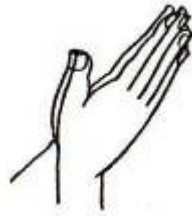
“**Án, bà-la ha tát-bát để năng, ma bỉ đá phộc-năng dã** (Danh vị...) **ma la phộc la-đà ninh, sa-phộc ha**”

ॐ ब्रह्मसिद्धि मपिथवनया मालावार्थदी स्वहा

\*)OM\_ VRHASPATIDHA MAPITHAVNAYA (Danh vị...) MALA VARTHADI \_ SVĀHĀ

**Tây Phương Kim Tinh Ấn:** Hai tay hợp quyền. Dựng thẳng 2 không (2 ngón cái).





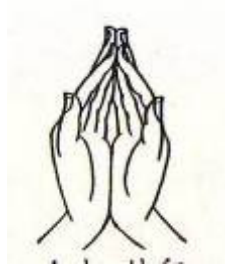
Chân Ngôn là:

“**Án, thú yết la, nga đà phộc-la phộc-la, la nhạ dã** (Danh vị...) **thất li, ca li, sa-phộc hạ**”

ॐ सुक गथर्व ऋजया श्री करि स्वहा

\*)OM\_ ŚUKRA GATHARVA RĀJĀYA (Danh vị...) ŚRĪ KARI \_ SVĀHĀ

**Trung Cung Thổ Tinh Án:** Trước tiên chấp 2 tay lại. Từ Phong (ngón trỏ) trở xuống 4 ngón trụ đầu nhau. Ở phương trước mặt mở lớn 2 Không (2 ngón cái) đều dính cạnh ngón Phong (ngón trỏ).



Chân Ngôn là:

“**Án, xá ni sát tác la, nãng khắt-sát đát-la, bả-la ha ma nãng, lổ bà dã** (Danh vị... ) **phổ sắt-đề, ca li, sa-phộc ha**”

ॐ शनिशर नक्षत्र ब्रह्मण रुपाय पुष्टि करि स्वहा

\*)OM\_ ŚANAISCARA NAKṢATRA BRAHMANA RŪPAYA (Danh vị...) PUṢṬI KARI \_ SVĀHĀ

**La Hầu Tinh Án:** hai tay kết Kim Cương Hợp Chương. Dựng thẳng 2 Không (2 ngón cái).



Chân Ngôn là:

“**Án, la hộ nãng, a tồ la la nhạ dã, tác ma xá đô nãng dã** (Danh vị... ) **phiên đề ca, ca li, sa-phộc hạ**”

ॐ लहुरशुर ऋजय सम शिवय शिख करि स्वहा

\*)OM\_ RĀHUNA ASURA-RĀJĀYA SOMA ŚATUNAYA (Danh vị... ) ŚĀNTI KARI \_ SVĀHĀ

**Kê Đô Tinh Án:** Hai tay chấp lại. Dựng thẳng 2 Không (2 ngón cái).



Chân Ngôn là :

**Án, phộc nhật-la kế đô năng, năng khát-sát đất-la, la nhạ dã** (Danh vị... )  
**hông, sa-phộc hạ”**

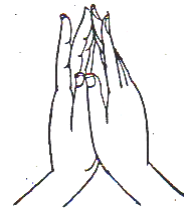
ॐ वज्रकेतु नक्षत्र राज्या हूं ह्रूं

\*)OM\_ VAJRA KETUNA NAKṢATRA-RĀJĀYA (Danh vị...) HŪM \_ SVĀHĀ

**Kế Đô** (Ketu) được phiên dịch là Kỳ (lá cờ). Kỳ là **Tuế Tinh** vậy. **La Hâu** (Rāhu) là **Giao Hội Thục Thần**. Hai Ấn Tinh này với Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ đều dùng Ấn: Chắp 2 tay lại, dựng thẳng 2 ngón cái.



**Cửu Cháp Diệu Thiên Tổng Ấn:** Chân thật chắp tay. Hai Không (2 ngón cái) kèm nhau dựng thẳng, duỗi 2 Phong (2 ngón trỏ) đều mở góc ngón rồi đưa qua lại.



Chân Ngôn là:

**“Án, nghiệt-la hế thấp-la lị gia, bát la bát đá, nhụ để ma dã, sa hạ”**

ॐ ग्रहेश्वर प्रप्ता ज्योतिर्मया हूं ह्रूं

\*)OM\_ GRAHEŚVARYA PRĀPTA JYOTIRMAYA \_ SVĀHĀ

**Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn:** Chắp tay chắc thật. Kèm 2 Không (2 ngón cái) dựng thẳng ngang trái tim, đem 2 Không (2 ngón cái) triệu mời.



Chân Ngôn là:

**“Án, nặc khát-sát đất-la, niết tô, na nễ duệ, sa hạ”**

ॐ नक्षत्र निरजदानीये हूं ह्रूं

\*)OM\_ NAKṢATRA NIRJADANIYE \_ SVĀHĀ

**Chư Thần Kỳ (Thần Đất) Ấn:** Tay phải nắm quyền, duỗi ngón giữa rồi hơi co lại, cùng triệu mời.

Chân Ngôn là:

**“Án, tát phộc na la diên na dã, ế hế duệ tứ, sa ha”**

ॐ स्र ष्वा नार्यानाया एह्येहि स्वहा

\*)OM\_ SARVA NĀRĀYANĀYA EHYEHI \_ SVĀHĀ

**Diên Mệnh Chân Ngôn** là: Trước tiên tụng 1000 biến

**“Án, ma chiết la dụ toái (Họ tên..) sa-phộc ha”**

ॐ वज्र अयुष स्वहा

\*)OM\_ VAJRA ĀYUṢE (Họ tên...) SVĀHĀ

**Đồ Hương Án:** Tay Tuệ (tay phải) hướng ra ngoài, đem tay Định (tay trái) ngửa nắm cổ tay Tuệ (tay phải) ngang trái tim.



Như Chân Ngôn này:

**“Án, vĩ thân đà , hiển độ nạp-bà phộc, sa-bà ha”**

ॐ वि सु धा र्वा ष्वा स्वहा

\*)OM\_ VIŚUDDHA GANDHA UDBHĀVA \_ SVĀHĀ

**Phụng Hoa Án:** Hai tay cài chéo nhau bên trong rồi mở ngửa, duỗi thẳng 2 Phong (2 ngón trở) sao cho 2 cạnh đầu ngón trụ nhau, đặt Không (ngón cái) bên ngón trở ngang trái tim.



Niệm Chân Ngôn là:

**“Án, ma ha muội đát lị-gia, tỳ-dữu nạp nghiệt đế, sa-bà ha”**

ॐ म ह म् वि द्यु त्त ग स्वहा

\*)OM\_ MAHĀ-MAITRIYA ABHYUDGATE \_ SVĀHĀ

**Thieu Hương Án:** Hai tay từ ngón giữa trở xuống dựng thẳng 6 ngón tay dính lưng nhau, duỗi thẳng 2 Phong (2 ngón trở) sao cho cạnh đầu ngón tay chằng dính nhau, hơi các xa nhau một chút, để 2 Không (2 ngón cái) bên ngón trở ngang trái tim.



Chân Ngôn là :

**“Án, đạt ma đà đát-phộc nỗ nghiệt đế, sa-bà ha”**

ॐ धर्मद्वारागतं सुखं

\*)OM\_ DHARMA-DHĀTU ANUGATE \_ SVĀHĀ

**Phụng Thục Ân:** Hai tay trống lòng bàn tay, mở chưởng hướng lên trên như thể bùm vật, đặt ngang trái tim.



Niệm Chân Ngôn là:

“**Án, a la la, ca la la, mặt lân, nại ná nhĩ, mặt lân nại nễ, ma ha phù lịch, sa-bà ha**”

ॐ अरार करार वल्ल दद म वल्ल दद म न वल्ल सुखं

\*)OM\_ ARARA KARARA \_ BALIṀ DADA ME \_ BALIṀ DADE \_ MAHĀ-BALIḤ \_ SVĀHĀ

**Đặng Minh Ân:** Tay Tuệ (tay phải) nắm quyền, đem đầu Không (ngón cái) vịn mặt Hỏa (ngón giữa) hướng lên trên cúng dường Bắc Đẩu Thất Tinh, Bản Mệnh Tinh, Tú Diêu, Nguyên Thần...



Chân Ngôn là:

“**Án, đát tha nghiệt đa la-chi, sa-phả la ninh, phộc bà sa năng, nga nga nhu ná lệ-dã, sa-bà ha**”

ॐ तथानिगतं सुखं वल्ल दद म वल्ल दद म न वल्ल सुखं

\*)OM\_ TATHĀGATA ARCI SPHARAṆA VABHĀSANA GAGANA UDĀRYA \_ SVĀHĀ

**Phổ Cúng Dường Ân:** Kim Cương Hợp Chưởng, 2 ngón trở dựa nhau như hình Báu, kèm dựng ngón cái.



Chân Ngôn là:

“**Án, a mô già bố nhạ, ma ni, bả nạp-ma, phộc nhật-lệ, đát tha nghiệt đa, vĩ lộ chỉ đế, tam mãn đa, bát la tát la, hồng**”

ॐ अमोघपूजा मणिपद्मवज्रितथगतविलोकितामन्ताप्रसारा हुं

\*)OM\_ AMOGHA PŪJA MAṆI PADMA VAJRI TATHĀGATA VILOKITE SAMANTA PRASARA HŪM

**Tán Thán Ân:** Kim Cương Hợp Chưởng



“A diển đỗ, ni phộc tả nga, tổ la, khẩn na la, la khát thước ca-la na-dã, bát-la phộc-la, đạ ma nghiệt-lị đa địa già la. Vĩ đạ ma tả , bát-la xả ma , táo xí dã. Nễ-mính đa, bộ đa, mính đa , bát-la ca xả đạ. Đát nễ hạ thất-la ma noa dã đà hàm”

Quán trong lò có 7 chữ **Lỗ** (RU \_ 𑖣) biến thành Bắc Đẩu Thất Tinh. Ấy là Bản Mệnh Tinh đặt chính giữa 6 Tinh làm bạn. Liền quỳ thẳng lưng, chắp tay hướng về lò, khải bạch rằng:

Chí Tâm phụng khải Bắc Cực Thất Tinh

**Tham Lang, Cự Môn**

**Lộc Tồn, Văn Khúc**

**Liêm Trinh, Vũ Khúc**

**Phá Quân Tôn Tinh**

Vì (con, họ tên là... )

Giải thoát tai ách

Thọ Mệnh dài lâu

Được thấy trăm Thu

Nay làm **Hộ Ma** (Homa)

Nguyện xin Tôn Tinh

Giáng lâm nơi này

Thâu nhận Hộ Ma

Hình Tứ Ách Tịch (sổ ghi chép tai ách, hình phạt, giờ chết)

Ghi Trường Thọ Trát (Tờ lệnh ghi cho sống lâu)

Ném hoa làm Tò

Kết **Triệu Bắc Đẩu Ân:** Hư Tâm Hợp Chưởng (Chắp tay giữa rỗng), 2 ngón cái vịn móng 2 ngón vô danh, ngón giữa như hình cánh sen, 2 ngón trỏ hơi mở co đưa qua lại.



Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đa, na la năng, é hế chỉ , phá y, hạ y, na y, gia I, la mộ la, đá la già, già hàm, sa-bà ha”

𑖠𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

\*)NAMAḤ SAMANTA DĀRANA EHYEHI, PA I, HA I, DĀ I, RA I, RAMORA TARA GHARAHAM\_ SVĀHĀ

Tượng Bắc Đẩu Thất Tinh đến dự.

Tiếp cúng dường xong

Tiếp ném hoa **Phát Khiển Ân**: Hư Tâm Hợp Chương, 2 ngón cái vịn móng 2 ngón vô danh, ngón giữa ngón út như hình hoa sen, 2 ngón trở hơi mở co hướng ra ngoài bật phát.



Chân Ngôn là:

“**Năng mạc tam mãn đa, na la năng, nguyệt xa, phả y, hạ y, ca y, la mộ la , đa la , già ha hàm, sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् सत्त्वं नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य

\*)NAMAḤ SAMANTA DĀRANA GACCHA, PA I, HA I, KA I, RAMORA TARA GHARAHAM \_ SVĀHĀ

Bồ Khuyết Chân Ngôn:

“**Án, hô lô hô lô, tả dã bảo kế y, sa bà ha**”

Tu Pháp **Bắc Đẩu Thất Tinh Hộ Ma** này là vót bỏ điều ghi trong Tử Tịch, chép lại trong Trường Thọ Trát. Thần nghiệm cực sáng tỏ, Diên Thọ tăng toán, trừ tai, chiêu của báu, Diên Mệnh. Là Pháp không có gì hơn.

### BẮC ĐẪU PHÁP (Hết) XÍ THỊNH QUANG YẾU PHÁP

Bấy giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngự tại cung Trời Tĩnh Cư bảo chư Thiên, Tú Diệ, 12 Cung Thần rằng: “Nay Ta nói **Quá Khứ Sa La Vương Như Lai Chân Ngôn**. Nếu có quốc vương mà quốc giới của mình bị 5 Tinh (5 vì sao) lần bức 28 Tú với Đế Tòa thì mỗi ngày vào lúc sáng sớm, ở trong Đạo Trường, kết Ân, tụng Chân Ngôn 7 biến ắt 5 Tinh, các Diệ chẳng thể lần bức các Tòa, chẳng thể gây tai họa.

Nêu **Hỏa Tinh** (Aṅgāraka) muốn vào Nam Đẩu. Nên ở dưới tượng một Tôn Phần Nộ (Krodha-nātha) điếm hình Nam Đẩu và điếm Hỏa Tinh. Ở trong đây vẽ hình **Thiệt Đốt Lỗ** (Sātru: Oan gia) ấy , viết tên ở trên trái tim, kết An rồi để An ở trên thân tượng Phần Nộ, tụng Chân Ngôn 7 biến. Ở trên câu **Sa Phộc Hạ** (Svāhā) gia thêm tên Thiệt Đốt Lỗ ấy, dùng âm thanh phần nộ tụng Chân Ngôn thì hết thủy tai họa sẽ dời đi.

“**Nam mạc tam mạn đa một đà nam, a bát-la để ha đá xá sa na nẫm. An, khur khur, khur tứ khur tứ, hồng hồng, nhập-phộc la nhập-phộc la, bát-la nhập-phộc la bát-la nhập-phộc la, để sắt-xá để sắt-xá, sắt trí-lị, tát-phả tra tát-phả tra, sa-phộc ha**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धं नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य

ॐ नमः सम्यक् बुद्धं नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ APRATIHĀTA ŚASANĀNĀM

OM\_ KHAKHA, KHAHI KHAHI , HŪM HŪM, JVALA JVALA, PRAJVALA PRAJVALA, TIṢṬA TIṢṬA, ṢTRI ṢTRI, SPHAṬ SPHAṬ\_ SVĀHĀ

**Tượng Ấn** đó là: Hai tay cài chéo nhau bên trong rồi nắm quyền. Hợp cứng 2 ngón giữa, đều co ngón trỏ ở phía sau ngón giữa như hình cái chày Kim Cương, đem 2 ngón cái đè lên vạch lóng thứ hai của ngón giữa.



Chân Ngôn này là nơi gia trì của tất cả Như Lai, hay thành biện 8 vạn loại việc cát tường. Hay trừ diệt 8 vạn loại tai họa, mộng ác chẳng lành. Nếu có người thấy nghe các việc Bất Tường thì thanh tịnh tâm tụng một biến ắt chẳng thể gây tai họa.

Nếu **5 Tinh** đi đến Tòa Vị thành lần bức hoặc xuyên qua hoặc đi lùi xâm lấn. Liền ở trên câu **Sa Phả Ha** (svāhā) gia thêm tên của vì sao ấy, tụng Chân Ngôn 7 biến thì mệnh được 5 Tinh tác thiện (tạo việc tốt lành) chẳng thể gây hại.

Hoặc nhóm sao Thái Bạch đi đến phần dã của các Tú với Đế Tòa ở trong phần dã Tú, như trước ở dưới Tượng vẽ hình người ác đó cũng làm người ấy bị hao tổn, khiến chẳng khởi Ý ác .

Hoặc bị La Hầu che lấp gây khốn đốn. Mặt trời, mặt trăng bị che. Hoặc Tuế Tinh hiện, hoặc hạn hán, sóng to. Nên ở nơi ẩn mật trong Đạo Trường, thân mặc áo màu đen, ngòì hướng mặt về phương Nam. Đem tro đốt tử thi vẽ tam giác. Trong Đàn vẽ nhóm **La Hầu** (Rāhu) **Tuế Tinh** (Ketu) ấy. Khi hạn hán, sóng to thì vẽ hình **Rồng** (Nāga), ở trên trái tim người ấy thì viết tên người ấy. Vào lúc giữa đêm (giờ Tý) hay giờ Ngọ thì đốt An Tất Hương, niệm tụng. Ở trong câu Chân Ngôn, gia thêm tên người đó. Lấy cành Thạch Lựu quất vạt hình người ấy, tụng Chân Ngôn 21 biến, mỗi biến vạt một lần, liền trừ

Nếu **5 Tinh** lần bức cường thịnh, mệnh suy thì cũng tác Pháp này

Đại Thánh Tác Tai Chân Ngôn là:

**“Ấn, tất phộc đát tha nghiệt đa, thất-lij duệ, sa-phộc hạ”**

ॐ स र्व त थ ा ग त ा श्री ये स्व ा ह ा

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA ŚRĪYE \_ SVĀHĀ

Phá Tú Diệu Tai Nạn Chân Ngôn:

**“Ấn, tất phộc đát-la, thất-lij duệ, tam ma duệ, sa-phộc ha”**

ॐ स र्व त थ ा ग त ा श्री ये स्व ा ह ा

\*)OM\_ SARVATRĀ ŚRĪYE SAMAYE \_ SVĀHĀ

Bắc Đẩu Thất Tinh Chân Ngôn:

**“Ca lệ kế, nhập phộc lệ dã, ba la bát tra tu trí la ma gia, sa-phộc hạ”**

ॐ क ा ली के ऽ न ा प ष ट्ठ ली द्या ब ा ल ा ब ा त रा तु त्री ल ा म ा ग ि ा स ा प ष ट्ठ ा

\*)GRAHEŚVARYA PRĀPTA JYOTIRMAYA \_ SVĀHĀ

Hương dùm: Huân Lục, Bạch Đàn. Có thể dùm Đàn Dạng

BẮC ĐẦU THẤT TINH HỘ MA PHÁP  
\_Hết\_

Hiệu chỉnh xong vào ngày 08/10/2010

Mật Tạng Bộ 4\_ No.1311 (Tr.459\_Tr.62)

PHẠM THIÊN HỎA LA CỬU DIỆU

Hán Văn: NHẤT HẠNH Thiên Sư tu thuật  
Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

28 TỬ tại ở Trời chuyển theo bên trái, đếm biết địa vị của người xúc phạm.

Đời Đường **Vũ Đức** năm đầu tiên khởi từ Mậu Dần đến **Hàm Thông** năm thứ 15, Giáp Ngọ đều được 257 năm vậy

Đồ hình của **Phạm Thiên Hỏa La Cửu Diệu** với hai ngôi sao **Ám, Hư** ở đây, chỉ chỗ ở của các vì sao. Xem rồi quyết định sự tốt xấu trong một đời, vạn điều chẳng sai một, rất ư Thần Diệu.v.v....

1 **La Hầu Thực Thần Tinh Minh** là:

“**Án, la hộ năng, a tố la la nhạ dã, tặc ma, xả đồ dã năng** (Danh vị) **phiến để già lý bà, sa ha**”

ॐ འཇུག་ཤུར་ འཇུག་མམ་ འཇུག་མམ་ འཇུག་ ཀྱི་ མུང་

**Oṃ\_ Rāhuna-asura-rājāya soma śatunaya** (danh dự và địa vị) **śānti-kari svāhā**

Sao **La Hầu** (Rāhu) dùm tiền cúng dường.

**Khẩu Quyết** nói rằng: “Hướng đến Sứ, Dần cúng.

Năm: 1, 10, 19, 28, 37, 46, 55, 64, 73, 82, 91 hợp với Đại Hung





**Hành niên** đến gặp **Tú** này là xấu (hung). Vì sao này ẩn mà chẳng hiện, một tên là **La Hâu**, một tên là **La Sur**, một tên là **Hoàng Phan**, một tên là **Hỏa Dương** chiếu đến (lâm) Bản Mệnh con người thì lo lắng mất địa vị quan chức, bệnh nặng ràng buộc, tài vật phá tán, tang chế buồn rầu, cãi vã (khẩu thiệt).

Quốc Vương đã chẳng cúng tế vị Thần này.

Đến **Tú** này thì tu Phước cầu đảo. Cúng dường **Nguyên Thần, Tiên, vẽ Sở Phạm Thần Hình** được đại cát.v.v...

(Mạng người thuộc Trời **Đại Thanh**. Năm nay, trăm việc như ý, chỗ mong cầu đều được, đi lại ra vào đều **đại cát lợi**)

2\_ **Trung Cung Thổ Tú Tinh** (Vua tại bốn Quý) **Kê Hoãn Chân Ngôn**:

“Quy mệnh. Ân, tán nhật lợi duệ, sa bà hạ”

ॐ नमःसमन्तभूतैर्बुद्धैर्देवैर्देवियांस्तुभ्यो नमः ॥

Namaḥ samanta-buddhānāṃ\_ Om\_ saṃjitiye svāhā

Lại Chân Ngôn là:

“**Ân, xả nê sát-tát la, năng khất-sát đát-la, bả-la ha năng, lỗ sa dạ** (danh vị...) **phổ sát-đế, ca lý, sa-phộc hạ**”

ॐ संनिश्चिरं नरुय ब्रह्मण रचय पूष्य सुत

Om\_ Śanaīścara-nakṣatra brāhmaṇa-rūpaya (danh dự và địa vị) puṣṭi-kari svāhā

Lại Chân Ngôn:

“**Ân, thú thú yết la nga đà-phộc la-phộc la-phộc, la nhã** (danh vị...) **thất lý, sa-bà hạ**”

Xuân **Tôn**, Hạ **Khôn**, Thu **Càn**, Đông **Cấn**, tháng Quý Hạ...bày một mâm trái cây cúng tế

**Khẩu Quyết** nói rằng: “Phương ấy chẳng định, Xuân Quý hướng **Tôn**, ngoài ra dùng thứ tự mà biết”

Năm: 2, 11, 22, 29, 38, 47, 56, 65, 74, 83, 92 hợp với Đại Hung



**Hành Niên** đến **Tú** này là **Thổ Tinh** (Śanaīscara) ở cung chính giữa. Ngôi sao ấy có chu vi bao quanh 90 dặm thuộc địa phận của nước Sở (nay là tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc). Tú này rất xấu thiên về đốt cháy **Cung** chiếu đến với che chắn con người. Gặp **Tú** này phải cẩn thận về bệnh tật, lao ngục. Năm ách nặng của người Quân Tử, hiệu là **Thổ Tinh**, chẳng dám phạm vào.

Hình vị Thần ấy như Bà La Môn, đầu đội mào bò, tay cầm tích trượng cùng gậy họa.

Quốc vương lấy tháng Quý Hạ (tháng 6), bày một mâm trái cây cúng tế.

Cầu đảo tông tiên Bản Mệnh Nguyên Thần, tiên, vẽ Sở Phạm Thân Hình cúng dường, mặc áo màu vàng cầu đảo ắt tiêu Tai tạng Phước.

Thọ Mệnh Bản Mệnh thuộc Trời **Xích Hư**, trăm việc chẳng như ý, người nam chẳng hợp với quan, người nữ chẳng hợp với chồng

Kỵ tháng 3, tháng 9, ngày Canh, ngày Tân

3 **Đích Bắc Thần Tinh** (Thủy Tinh Vương tại ba tháng mùa Đông) **Minh** là:  
“**Án, câu tất đà tha diệt đà lợi, nhai nhai, tử tử, nễ đế, sa bà ha**”

Lại **Minh** là:

“**Án, mẫu đà, năng khất-sát sa-phộc nhĩ năng** (danh vị...) **khế-nỗ ma, sa-phộc hạ**”

ॐ न बुध नक्षत्र स्वामि न खेदुमा स्वहा

**Oṃ\_ Budha-nakṣatra svamina** (Danh dự và địa vị...) **kheduma svāhā**

Lại **Tâm Chú** là:

“**Án, tô đề-ly sắt tra, sa bà ha**”

ॐ सुत्रिष्ठ स्वहा

**Oṃ\_ sutriṣṭha svāhā**

Lấy tháng Trung Hạ (tháng 5) dùng dầu cúng tế, hướng về phương Bắc cúng  
Năm: 3, 12, 21, 30, 39, 48, 57, 66, 75, 84, 93... hơi tốt (thiếu cát)



**Hành Niên** đến **Tú** này tên là **Bắc Thần**, một tên là **Sàm Tinh**, một tên là **Trích Tinh** có chu vi bao quanh 100 dặm thuộc địa phận của nước Yên, nước Triệu. Nếu chiếu đến Bản Mệnh con người; chủ về: Âm, lo buồn, cãi vã, giặc cướp, dẫn dắt, kêu gọi.

Vị Thần ấy có dạng người nữ, đầu đội mão hình con vượn, tay cầm giấy bút.

Quốc vương lấy tháng Trọng Hạ (tháng 5), dùng đầu tế. Nên cúng **Bắc Đẩu** cầu Phước.

Đếm 12 Cung này, từ tháng sinh trở xuống, một Tú làm một ngày, theo bên trái (phần kế tiếp) đếm tới ngày sinh thì dừng, liền biết vậy...dùng thực hành, không có (bản khác)

Mạng người thuộc Trời **Du Hàm**, trăm việc chẳng thành, người nam chẳng hợp với quan, người nữ chẳng hợp với chồng.

Kỵ tháng tư, ngày Bính, ngày Tuất

4\_ **Tây Phương Thái Bạch Tinh** (là Kim Tinh, Kim Thần. Vua tại 3 tháng mùa Thu) **Mệnh** là:

**“Quy mệnh. Ân, phệ vĩ tỳ, sa bà ha”**

Lại Chân Ngôn là:

**“Án, thú yết la, nga đà phộc đà-phộc, la nhã, thất lý, sa bà ha”**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Om\_ Śukra gatharva rājāya** (danh xưng và địa vị...) **śrī kari, svāhā**

Thường lấy tháng Trọng Thu (tháng 8) dùng **Sinh Tiền** cúng tế, hướng về phương Tây cúng

Năm: 4, 13, 22, 31, 40, 49, 58, 67, 78, 85, 94... hơi xấu (thiếu hung)



**Hành Niên** đến **Na Hiệt**...là **Thái Bạch Tinh** tức sao Kim ở phương Tây vậy. Ngôi sao ấy có một tên là **Thái Bạch**, một tên là **Trường Canh**, một tên là **Na Hiệt**. Ngôi sao ấy có chu vi bao quanh 100 dặm thuộc địa phân nước Tần. Nếu chiếu đến Bản Mệnh con người ắt có sự than khóc, đao binh

Hình như người nữ, đầu đội mào hình con gà, áo lụa trắng, búng dây đàn, gây tai vạ cho con người.

Quốc vương thường lấy tháng Trọng Thu (tháng 8) dùng Sinh Tiền cúng tế.

**Hành Niên** đến ngôi sao này, thích hợp mặc áo trắng, cúng tế Bản Mệnh Nguyên Thần làm ruộng Phước, rất tốt vậy.

Mạng người thuộc Trời **Phi Trọng**, trăm việc đều tốt, lo giải tai vạ. Người nam: tiền của hợp với quan, vợ con cùng ràng buộc, sửa trị đời sống gấp vạn lần

5\_ **Thái Dương Mật Nhật Tinh Chân Ngôn** là:

“**Năng mô la đát-năng đát la dạ dã. Năng mạc tố lý dã, tát phộc năng khát-la đát-la, la nhạ dã. Án a mô già tả (danh vị) thiết để, sa bà ha**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Namo ratnatrayāya

Namaḥ sūrya sarva nakṣatra-rājāya

Om\_ amogha-sya (Danh dự và địa vị...) śatri svāhā

Lấy ngày Đông Chí dùng mọi báu tế, hướng về Mão, Thìn cúng

Năm: 5, 14, 23, 32, 41, 50, 59, 68, 77, 86, 95...rất tốt (đại cát)

**Hành Niên** đến **Tú** này, chủ về Thái Dương thuộc mặt trời. Ngôi sao ấy có chu vi bao quanh 1500 dặm, một ngày một Chu Thiên.

Nếu chiếu đến Bản Mệnh con người đều tăng quan tiến lộc, có việc vui mừng, thường được Quý Nhân dẫn dắt, chỗ làm được thông đạt.

Quốc vương lấy ngày Đông Chí, dùng mọi báu cúng tế thì rất tốt vậy  
Chân Ngôn của ngôi sao này chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chí Tâm đeo giữ kèm cúng  
dường một năm thì chẳng bị tai vạ, chẳng chết....

Mạng người thuộc **Thông Quang**, trăm việc như ý, Thiên Thần cùng bảo hộ, cuối  
cùng không có gì là thật khó, nơi hướng đến được khai thông, Phước Lộc tự đến.



6\_Nam Phương Hỏa Huỳnh Hoạch Tinh (Hỏa Vương tại 3 tháng mùa Hạ) Hỏa  
Tinh Chân Ngôn là:

“Quy mệnh. Án, ma ha lợi đa, sa bà ha”

𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤

Namaḥ samanta-buddhānāṃ\_ Om Mahā-riṣṭa svāhā

Lại Chân Ngôn là:

“Án, a nga la ca, lô nghĩ dã (danh vị) sa-bà ha”

𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤 𑖣𑖤𑖤𑖤

Om\_ Anḡaraka-arogyā (Danh dự và địa vị...) svāhā

Lấy tháng Trọng Hạ (tháng 5) dùng lửa cúng tế, hướng về phương Nam cúng  
Năm: 6, 15, 24, 33, 42, 51, 60, 69, 78, 87, 96...đều là năm xấu

**Hành Niên** đến ngôn sao này, một tên là **nam Phương Huỳnh Hoạch Tinh**, một  
tên là **Tứ Lợi Tinh**, một tên là **Hur Hán**. Chu vi của ngôi sao ấy bao quanh 70 dặm  
thuộc địa phận của nước Ngụy.

Nếu chiếu đến mạng người ắt sinh khẩu thiệt (cãi vã), bệnh tật ràng buộc.

Vị Thần ấy có hình như Ngoại Đạo, đầu đội mào lửa, bốn tay cầm binh khí đao  
nhọn bén

Quốc vương lấy tháng Trọng Hạ (tháng 5) dùng lửa cúng tế.

Hành Niên đến ngôi sao này thì người Quân Tử gặp Phước, Chức Sự tăng tiến lợi  
ích. Kẻ tiểu nhân được Phước, chẳng sinh điều tai hại. Cung kính tức không có tai họa.

Mạng người thuộc **Vân Tiêu**, Thiên Thần cùng bảo hộ, chẳng dám gây họa, tiền  
của tràn đầy, Phước Lộc rộng đến. Tuy có chút lo nhưng tự giải được, không có khổ.



7 **Ké Đô Thực Thần Tinh Minh** là:

“**Ān, phộc nhật-la ké đô năng, năng khát-sát đát-la, la nhạ dã** (danh vị) **hông**”

ॐ वज्रकेतुनाक्षत्रराज्या हूं

**Om\_ Vajra-ketuna-nakṣatra-rājāya** (Danh dự và địa vị...) **hūṃ**

Vẽ hình này để sâu trong cái Thất, cúng dường tiêu trừ tai ương, đẩy Họa thành Phước. Hướng về **Mùi, Thân** cúng.

**La Hâu** (Rāhu) đeo châu báu, còn **Nhật** (Sūrya), **Nguyệt** (Soma), **Ké Đô** (Ketu) mặc áo gấm thêu (cẩm tú)

Năm: 7, 16, 25, 34, 43, 52, 61, 79, 88, 97... hợp với việc xấu (hung)

**Hành Niên** đến **Ké Đô** (Ketu) này, cũng là **Ān Tinh**, một tên là **Báo Vĩ**, một tên là **Đại Ān**. đầu ả chẳng thấy, chẳng thấy mà di chuyển không có hình nhất định.

Nếu chiếu đến tên người (nhân danh) thì làm quan bị nhiều việc bức bách, cầu quan chẳng vừa ý, công việc bị chuyển dời, **Quan Phù** ràng buộc, nhiều lo âu bệnh tật.

Ngôi sao này hung xấu. Quốc vương chẳng cúng tế



**Hành Niên** đến ngôi sao này thì nên tống tiễn **Ngũ Đạo Ty Mệnh**. Vẽ hình của vị Thần này, ở trong cái thất sâu, cúng dường cầu đảo, đẩy lùi họa thành Phước.

Nhân Mệnh thuộc Trời **Ôn Độc**, chỗ hướng đến chẳng như ý, đi không có lợi, vợ chồng khóc lóc, hoặc chồng rơi nước mắt.

Kỵ tháng 5, tháng 6, ngày Giáp, ngày Ất

8\_ **Mộ Thái Âm** (Nguyệt Thiên) **Minh** là:

“**Án, chiến đất-la năng khát-sát đất-la, la nhạ dã** (Danh vị) **thiết để, sa bà hạ**”

ॐ वञ्च नक्षत्रं [सप्तमि] शिवे सूक्त

**Om\_ Candra-nakṣatra-rājāya** (Danh dự và địa vị...) **śatri svāhā**

Thường lấy ngày Hạ Chí, dùng mọi ngọc báu với nước cúng tế. Hướng về **Thân, Dậu** cúng

Năm: 8, 17, 26, 35, 44, 53, 62, 71, 80, 89, 98



**Hành Niên** đến vị trí của **Tú** này là **Thái Âm** thuộc mặt trăng. Mặt trăng ấy có chu vi bao quanh 1500 dặm, một ngày đi giáp vòng Thiên Hạ. Nếu chiếu đến Bản Mệnh con người thì rất tốt, tăng quan tiến lộc, chỗ làm thông đạt, được Quý Nhân dẫn dắt, lâu dài có việc mừng tốt (hỷ khánh)

Quốc vương lấy ngày Hạ Chí, dùng mọi châu ngọc với nước cúng tế.

Hành Niên đến phương này thì việc được thông hòa, cầu quan được toại ý, chỗ làm rất tốt.

Mạng người thuộc Trời **Vi Cúng**, ngàn trăm việc đều xấu, gặp bệnh sợ chết. Ruộng đất, nuôi tằm chẳng thu hoạch được, lo việc của quan huyện

Kỵ tháng giêng, tháng 9, ngày Bính, ngày Đinh

9\_ **Đông Phương Tuế Tinh** (Vua tại 3 tháng mùa Xuân) **Mộc Tinh Minh** là:

“**Năng mô tam mạn đa một đà nam. Án, ấn na la dã, sa bà ha**”

ॐ मम मम म वृक्षं नमो इन्द्राय सूक्त

**Namo samanta buddhānām\_ Om indrāya svāhā**

Lại Chân Ngôn là:

“**Án, bà-la ha tát-bát để, năng ma địa bỉ đá phộc-năng dã** (danh vị) **ma la phộc-đà ninh, sa-phộc hạ**”

ॐ वृक्षम(ज) व म(ध)व(व) म(व) व(ध) सूक्त

**Om\_ Vṛhaspati dhama pithavnaya (Danh dự và địa vị...) mala varthadi svāhā**

**OM \_ VṚHASPATI DHAMA PITHAVNAYA (Danh vị...) MALA VARTHADI \_ SVĀHĀ**

Thường lấy tháng Trọng Xuân (tháng 2), dùng mọi báu cúng tế. Hướng về phương Đông cúng

Năm: 9, 18, 27, 36, 45, 54, 63, 72, 81, 90, 99...đều là Đại Cát (rất tốt)

**Hành Niên đến Ót Một Tư là Tuế Tinh**, sao Mộc ở phương Đông, một tên là **nhiep Đê**. Ngôi sao ấy có chu vi bao quanh 100 dặm thuộc địa phận của nước Vệ, nước Lỗ. Chiều đến Bản Mệnh con người thì tăng quan tiến lộc, vạn sự tốt lành.

Vị Thần ấy có hình như khanh tướng, mặc áo xanh, đội mũ heo, tay cầm hoa quả Quốc vương thường lấy tháng Trọng Xuân (tháng 2) dùng mọi báu cúng tế.



**Hành Niên đến Tú** này thì thích hợp giao thông với Quý Nhân, hôn nhân hòa hợp. Năm này mọi việc đều rất tốt.

Mạng người thuộc Trời **Cao Thương**, vạn sự đều ổn thỏa, chỗ hướng đến được như ý, đi lại có lợi, cư ngụ bình an, con cháu hưng thịnh

**Bắc Đẩu Thất Tinh Minh** là:

“**Nặng mạp tam mạn đa, na la na la, phá tả la, hồng**”

ॐ नमः समन्ता दारा दारा पारा हूँ

**Namaḥ samanta dara dara pacara hūṃ**

**Cửu Cháp Minh** là:

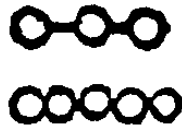
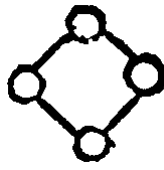
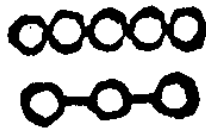
“**Quy mệnh. Án, nghiệt-la hề niết-phộc lý-dã, bát la bát-đa, nhu để la ma dã, sa-bà hạ**”

ॐ नमः समन्ता बुद्धानाम् उं यद्गुणैः प्रथमं सुखं सुखं सुखं

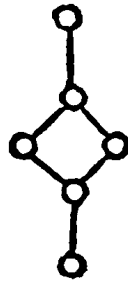
**Namaḥ samanta buddhānām\_ Om\_ graheśvarya prāpta jyotirmaya svāhā**

Đầu của **Thực Thần** từ tháng Giêng đến cuối năm thường ở hai **Tú** này





**Dục Tú**



**Trưng Tú (La)**



**Vĩ Tú**



**Đê Tú (Kê).**

Đuôi của **Thực Thần** từ tháng Giêng đến cuối năm đeo ở hai **Tú** này (Phần bên trên không có bản khác)

\_Kính **Án Duật Tư** ghi rằng:

Phàm con người chỉ biết có **bảy Diệu**, chẳng hiểu rõ **Hur Tinh** hiệu là **La Hầu** (Rāhu), **Kế Đô** (Ketu). Ngôi sao này ẩn vị trí nên chẳng thấy; gặp mặt trời, mặt trăng liền ăn nuốt nên có hiệu là **Thực Thần**. **Kế Đô** là cái đuôi của **Thực Thần**, hiệu là **Báo Vĩ**. Nếu **Hành Niên** đến **Tú** này thì nên vẽ **Sở Phạm Thần Hình** để sâu trong cái **Thất cúng** đường, đốt tiền cầu đảo, tức tai họa chẳng sinh

Nếu gặp sao xấu (ác tinh) thì nên cầu đảo thì mọi việc chẳng trái nghịch với **Sở Phạm** ấy, tức biến xấu (hung) thành tốt (cát), chẳng tin liền biến tốt thành xấu.

Gặp sao tốt (cát tinh) thì lớp lớp Phước Đức tự tại

Gặp sao xấu (ác tinh) thì tai hại tranh nhau sinh ra. Vương **Hầu** phạm vào liền bị bãi quan giáng chức. Chỉ dùng giờ **Hợi**, hướng mặt về **Bắc Đẩu**, chí Tâm tế bài **Bản Mệnh Tinh**, cần thiết chẳng được hướng về phương **Bắc** tiêu tiện sẽ bẻ gãy thọ mệnh của con người. Thích hợp nghĩ đến **niệm chân chính** sẽ khéo được Phước, hợp tiền. Nếu chẳng cầu đảo thì tai hại tranh nhau dấy lên

### **Cát Tiên Công lễ Bắc Đẩu Pháp**

**Trần Thượng Huyền Cửu Bắc Cực Bắc Đẩu**. Từ vương hầu cho đến sĩ thứ, hết thầy đều thuộc **Bắc Đẩu Thất Tinh** (bảy ngôi sao **Bắc Đẩu**) thường nên kính trọng sẽ chẳng gặp tai họa đột ngột, việc hung ác, cứu khắp sự tương ách của người đời, được kéo dài tuổi thọ, lợi ích cho việc tính toán, không có các tai nạn, cùng với **Bản Mệnh Nguyên Thần**, chí Tâm cúng đường đều được toại nguyện thọ mệnh, tài lộc của con người. Sự tai hại, họa xấu, mê muội lấp kín đều do chẳng kính **Tinh Tượng** (hình tượng của ngôi sao), chẳng biết **Hữu Phạm Tinh Thần** mù mờ mà đi ắt tai nạn tự nhiên dẫn đến. Cầu đảo liền rất tốt vậy.

Ngày cúng tế **Bản Mệnh Nguyên Thần**: trong một năm có 6 ngày, chỉ chí Tâm, ngày của **Bản Mệnh** dùng giấy tiền tùy theo tiền trong năm; dùng ba lớp trà quả, trái một cái chiếu trên cái sàng sạch, đốt hương, thành Tâm quay mặt nhìn **Bắc Đẩu**

Lại lễ bái, khải cáo rằng: “**Kẻ Tiểu Nhân** ở xa ưa thích **Đạo**, cầu sự linh ứng, thường thấy **Tôn Nghi**. Vào ngày của **Bản Mệnh**, kính cẩn dâng tiền bạc, quả trái tươi cúng đường **Bắc Đẩu Thần Tinh** và **Bản Mệnh Thần Hình**...mong cho tăng trưởng ích thọ của đời này, không có các tai vạ bất ngờ, **Thần Hồn** an ổn, **Nguyên Thần** tự tại, trợ giúp suốt năm ....”

Lại bái lạy, đốt tiền, chấp tay cúng đường

\_ **Phá Quân Tinh**: trì đại trí (người sinh vào năm **Ngọ**)

\_ **Vũ Khúc Tinh**: tân đại đông (người sinh vào năm **Ty**, năm **Mùi**...)

\_ **Liêm Trinh Tinh**: bất quán tử (người sinh vào năm **Thìn**, năm **Thân**)

\_ **Văn Khúc Tinh**: vi tuệ tử (người sinh vào năm **Mão**, năm **Dậu**)

\_ **Lộc Tồn Tinh**: lộc hội (người sinh vào giờ **Dần**, giờ **Tuất**)

\_ **Cự Môn Tinh**: trinh văn tử (người sinh vào năm **Hợi**, năm **Sửu**)

\_ **Tham Lang Tinh**: ty hy tử (người sinh vào năm **Tý**)

Phàm **Lộc Mệnh Thư** .....

Người thuộc **Phá Quân Tinh**: một ngày ăn hơn một tháng, thọ mệnh 80 tuổi.  
Nam nữ sinh năm **Ngọ**, tên tự là **Đại Kinh Tử**

Người thuộc **Vũ Khúc Tinh**: một ngày ăn hơn một thạch, thọ mệnh 85 tuổi. Nam nữ sinh năm Ty, năm Mùi... tên tự là **Đại Đông Tử**

Người thuộc **Liêm Trinh Tinh**: một ngày ăn hơn một thăng, thọ mệnh 80 tuổi. Nam nữ sinh năm Thìn, năm Thân... tên tự là **Thuật Bất Lân Tử**

Người thuộc **Văn Khúc Tinh**: một ngày ăn hơn một thăng, thọ mệnh 90 tuổi. Nam nữ sinh năm Mão, năm Dậu... tên tự là **Vi Tuệ Tử**

Người thuộc **Lộc Tồn Tinh**: một ngày ăn hơn năm thăng, thọ mệnh 80 tuổi. Nam nữ sinh năm Dần, năm Tuất... tên tự là **Lộc Tồn Hội Tử**

Người thuộc **Cự Môn Tinh**: một ngày ăn hơn tám thăng, thọ mệnh 80 tuổi. Nam nữ sinh năm Sửu, năm Hợi... tên tự là **Trinh Văn Tử**

Người thuộc **Tham Lang Tinh**: một ngày ăn hơn hai thăng, thọ mệnh 65 tuổi. Nam nữ sinh năm Tý... tên tự là **Ty Hy Thần Tử**

Tất cả Như Lai nói **Phá Nhất Thiết Tú Diệu Chương Cát Tường Chân Ngôn**:  
“**Án, tát phộc nặc sát đát-la, tam ma duệ, thất lý duệ, phiến để ca, câu lỗ, sa-bà hạ**”

ॐ सत् नक्षत्र समये श्रीये संतिका कुरु स्वहा

**Oṃ\_sarva nakṣatra-samaye śrīye śāntika kuru, svāhā**

Người nam kỵ **Thiên La**, người nữ kỵ **Địa Võng**. Muốn biết suy họa chỉ ở tại nơi mà **Hành Niên** đã phạm thì không có gì chẳng biết vậy.

Hành Niên của người chồng: tốt ít xấu nhiều...đột nhiên có thể biết nên quay trở về tránh đi, sẽ chẳng thể nhận chịu tai họa ấy....

### **Phạm Thiên Hỏa La Đồ Nhất Thiếp**

Kính bạch Đại Phạm Thiên Vương, Đế Thích Thiên Vương, Diêm La Thiên Tử, Ngũ Đạo Đại Thần, Thái Sơn Phủ Quân, Ty Mệnh Ty Lộc, mười hai cung Thần, bảy Diệu, chín Cháp, hai mươi tám Tú, Dược Xoa, Dược Xoa Nữ, Tỳ Xá Già, Tỳ Xá Chi, Bộ Đa Na Thiên...Thiện Thần sai khác ở ngay nơi trần thủ hộ Pháp

Hoặc trong nhà: các hàng Thần lớn nhỏ bảo vệ nhà cùng với loài sinh theo bốn cách trong sáu đường ở các cõi nước nhiều như hạt bụi nhỏ chẳng thể nói chẳng thể nói trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới.

Nay con (họ tên là...) nguyện: Tháng này, vào ngày tốt, giờ tốt xin bày biện vật cúng Vô Già để cúng **Thần**. Xin bậc Đại Chí ấy có thể biết được tấm lòng này.....

Tiếp đến **Khuyến Thỉnh**, hướng về phương Đông, chấp tay.

Xong phần bên trên

(phần bên dưới biểu thị cho sự viết chép trên giấy, vải. Nay ghi chép lại)

1\_ **La Hầu**: rất xấu (đại ác)

2\_ **Thổ**: hơi xấu (thiểu ác)

3\_ **Thủy**: tốt vừa (trung cát)

4\_ **Kim**: tốt vừa

5\_ **Nhật**: rất tốt (đại cát)

6\_ **Hỏa**: hơi xấu

7\_ **Kê**: rất tốt

8\_ **Nguyệt**: tốt vừa

9\_ **Mộc**: rất tốt

Tên gọi là **Nhất Thiết Thiểu Thiên Chú Pháp** ( Tay phải: dựng thẳng ngón giữa, các ngón còn lại nắm Quyền. Tay trái cũng thế, hai tay hợp cổ tay cách tim ngực tám Thốn (8/3 dm), hơi co ngón giữa phải, đưa ngón giữa trái qua lại, lay động khiến cầu giện)

Chư Thiên Thông Dụng Chú:

“**Án, lô ca, ca lộ dã duệ, sa bà hạ**”

ॐ ㄤ ㄤ ㄤ ㄤ ㄤ ㄤ

**Om\_ Loka karyāye svāhā**

Hết

24/12/2012

Mật Tạng Bộ 4\_ No.1312 (Tr.463\_Tr.464)

## KINH NAN NỄ KẾ THẬP PHỘC LA THIÊN NÓI CHI LUÂN

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng\_ Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh\_ Minh Giáo Đại Sư (kẻ bày tôi là) **PHÁP HIỀN** phụng chiếu dịch

Việt dịch: **HUYỀN THANH**

Bấy giờ **Nan Nễ Kế Thập Phộc La Thiên** (Nandīkeśvara-deva:Hỷ Tự Tại Thiên) quán khắp tất cả nam nữ trong Thế Gian, nhân vào lúc sinh ra, gặp nơi chiêu cảm thiện ác của các **Cung** (Vimāna), **Tú** (Nakṣatra) cho đến khi Thọ Mệnh chấm dứt. Ở khoảng trung gian: hoặc sang, hoặc hèn, hoặc giàu, hoặc nghèo, có Hiếu, có Trung, ưa văn, ưa võ...cho đến đoan nghiêm, xấu xí, ngu độn, thông tuệ, bệnh tật, chết non, **quan** (người góa vợ, hoặc đàn ông tuổi chưa có vợ), **quả** (người góa chồng, hoặc phụ nữ trên 50 tuổi chưa có chồng), **cô** (người mồ côi, người ở một mình), **quỳnh** (người cô độc không có nơi nương dựa, người không có anh em), mạnh ác, cương cường, ôn nhu, cung thuận, nói chính đúng, hành ngay thẳng, biết phân biệt **Quý** (Apatrāpya:Tâm cảm thấy xấu hổ, biết ghê sợ tội lỗi của mình), biết **Tàm** (Hrī:Tâm sùng kính Công Đức với người có Đức), thấu đạt Thiên Văn, xem xét rõ việc đời. Hoặc trọng Phật Pháp, thích tu việc Thiện. Hoặc hâm mộ Yêu Ma, tin Tà Đạo ác. Hoặc ưa dạo chơi sông nước thỏa thích Tính toàn chân. Lại hoặc ưa thích nghề buôn, trao đổi hàng hóa quý báu. Hoặc ưa bốc thí, hoặc keo kiệt tham lam...đều bèn biểu thị ở tướng trạng, hiển lộ trên thân chi, tạo nên hình cây phượng, hình xoắn ốc, vằn vạch, nốt ruồi đen...tất cả sự đẹp xấu đều vâng theo một thân. Cũng bởi đời trước có nhân duyên, nên nay mới gặp sao **Tú** (Nakṣatra), sao **Diệu** (Grahā) này. Sợ chưa hiểu được nên lược nói cho rõ

Lại nữa Thiên Dương Cung (Meṣa-vimāna:Bạch Dương Cung) thuận ứng với **Hỏa Diệu** (Aṅgāraka) trực tại toàn phần của **Lâu Tú** (Aśvinī), **Vị Tú** (Bharāṇi), một phần của **Mão Tú** (Kṛtikā). Người sinh vào ngày ấy: tướng mạo đoan nghiêm, thân chi nhỏ đẹp, hiếu thảo với cha mẹ, kính thờ bậc Tôn Trưởng, nhiều quyền thuộc, đông đủ

tôi tớ theo hầu, dũng mãnh, có tinh thần, có Phước Đức lớn, chẳng cần đối phó với sự đối lạnh, ưa thích Pháp, biết **Tâm Quý**, ưa bố thí, Tâm bền chắc, ngôn hạnh chân thật, kiến giải rõ ràng, hợp được quân vương yêu trọng, mọi người khâm phục ngưỡng mộ, mắt ngang ngạnh, ham sắc đẹp, phần lớn thích du lịch, một đời đầy đủ, bị bệnh về răng với có bệnh thương hàn, sống thọ hoặc chết yểu.

Sau khi sinh ra, bốn năm thì có nạn về lửa, đến năm thứ mười tám cũng hợp với sự chết yểu, đến năm thứ hai mươi lăm thì có nạn về cọp, sói...cũng chủ về sự chết trong biên. Ngay lúc bị nạn chết yểu, nếu gặp sao Diêu tốt (cát diêu) lâm chiếu liền kéo dài Thọ Mệnh đến một trăm tuổi. Ở trong tháng tám gặp **Hỏa Diêu** (Angāraka) với **Mão Tinh** (Kṛtikā) trực nhật thì nửa đêm bị chết (mệnh chung)

Lại nữa **Kim Ngưu Cung** (Vṛṣa-vimāna:Ngưu Mật Cung) thuận với **Kim Diêu** (Śukra) trực tại ba phần của **Mão Tú** (Kṛtikā); **Tất Tú** (Rohiṇī), **Sâm Tú** (Ārdra) đều có hai phần. Nam nữ sinh vào ngày ấy: tướng mạo đoan nghiêm, thân phần dài nhỏ, mặt có nốt ruồi đen hợp với ngôi sao, chủ về giàu to (đại phú), thường được khoái lạc, rất nhiều quyến thuộc cũng nhiều tôi tớ, tính khí cương cường, chẳng thích hợp với thể thiếp, tuổi trẻ chịu nhiều cay đắng, sau khi tuổi già lại được cha mẹ ban cho tiền của, liền được khoái lạc. Có tinh thần, nghề nghiệp khéo léo, kiến thức rõ ràng, chỗ làm bền chắc, ưa thích bố thí, tham ái mùi vị của thức ăn, nhiều bệnh về cổ họng.

Đến 25 tuổi thì mệnh hợp với sự chết yểu. Nếu ở lúc đó, lại được sao Diêu tốt (cát diêu) lâm chiếu thì biến Ác thành Thiện, được kéo dài thọ mệnh đến một trăm tuổi. Sau này bị bệnh điên cuồng. Ở trong tháng chín, ngay lúc **Thủy Diêu** (Budha) với **Tất Tú** (Rohiṇī) trực nhật, thì sẽ chết ở đất của **Thánh Tích**

Lại nữa **Âm Dương Cung** (Mithuna-vimāna: Phu Phụ Cung) thuận với **Thủy Diêu** (Budha) trực tại hai phần của **Sâm Tú** (Ārdra); **Chủ Tú** (Mṛgāsira:Tuy Tú), **Tinh Tú** (Punarvasu) đều có ba phần. Nam nữ sinh vào ngày ấy: Bẩm tính nhu thiện, thân tướng đoan chính, nói năng chân thật, đối đáp khéo léo, kết giao bạn bè tình nghĩa dài lâu, thiên về ưa thích hoa thơm, tham ái mùi vị thức ăn, bẩm tính khôi hài (hoạt kê). Sau này đối với nữ sắc, mắt nhìn thấy gái đẹp như đánh mất Thần Hồn. Đối với các Huyền Thuật, nhìn thấy là yêu thích. Đối với Pháp thành tựu, tu tập đều được. Nếu học Pháp **cấm Rộng** với **Chú vào nước**, đối với hai Pháp này rất được tinh diệu. Tuổi trẻ cay đắng, đến sau tuổi trung niên mới có danh dự, người nhìn thấy đều yêu trọng.

Sau khi sinh ra, đến năm thứ năm có nạn chết yểu. Khi vị nạn chết yểu, nếu gặp sao Diêu tốt chiếu đến, sẽ biến ác thành thiện, được kéo dài thọ mệnh đến tám mươi tuổi. Ở trong tháng mười gặp **Thủy Diêu** (Budha) với **Sâm Tú** (Ārdra) trực nhật thì ở trong ngày, người bị bệnh rồi chết

Lại nữa **Cự Giải Cung** (Karkatāka-vimāna:Bàng Giải Cung) thuận với **Thái Âm** (Soma) trực tại toàn phần của **Tinh Tú** (Punarvasu), **Quý Tú** (Puṣya), **Liểu Tú** (Āśleṣa). Nam nữ sinh vào ngày ấy: thân phần dài nhỏ, bẩm tính nhu thiện, có Trí Tuệ, hay nhẫn chịu được việc, hiếu thuận với cha mẹ, rất được cha mẹ thương yêu. Ở trong bàn tay, dưới bàn chân hợp có văn hoa sen, văn xoắn ốc, văn bánh xe với tướng văn của quả Cát Tường. Có nhiều thể thiếp, quyến thuộc lại nhiều tôi tớ. Tuổi trẻ hèn kém, tuổi già giàu có sung túc, thích Pháp dũng mãnh, ưa bố thí, cúng dường Hiền Thánh với các Sư Trưởng. Tính ưa đi chơi xa

Sau khi sinh ra, đến 20 tuổi thì hợp với việc té từ trên cây cao xuống, bị thương rồi chết yểu. Ngay lúc này, nếu gặp sao Diêu tốt chiếu đến (lâm chiếu) sẽ biến ác thành thiện, được kéo dài Thọ Mệnh đến 80 tuổi. Vào tháng 11 ngay lúc **Sâm Tú** (Ādra) với **Kim Diêu** (Śukra) trực nhật thì nửa đêm sẽ chết.

\_Lại nữa **Sư Tử Cung** (Siṃha-vimāna) thuận với **Thái Dương** (Sūrya) trực tại **Tinh Tú** (Maghā), **Trương Tú** (Pūrva-phalgunī), **Dực Tú** (Uttara-phalgunī) đều một phần. Nam nữ sinh vào ngày này: Tính tình nóng nảy, hành vi nhiều giận dữ. Sinh được 2, 3 người con và yêu thương các con hơn cả mạng của mình. Tuy dư thừa tiền của nhưng Tâm thường biết đủ, ưa thích cúng dường tất cả Hiền Thánh. Là người chẳng câu nệ, phóng khoáng, tự biết đủ, thiên về sự ưa ăn thịt với ưa ăn cá. Hoặc đến nước khác cũng chẳng bị đói lạnh, luôn sợ bệnh tật, chẳng sợ nước lớn.

Đến năm 15 tuổi có nạn chết yểu. Nếu gặp sao Diêu tốt chiếu đến thì biến ác thành thiện, được kéo dài thọ mệnh đến 100 tuổi. Ở trong tháng 12, thuận với **Thổ Diêu** (Śanaīscara) với **Tinh Tú** (Maghā) trực nhật, ở bờ Bắc của con sông Hằng Hà bị chết.

\_Lại nữa, **Song Nữ Cung** (Kanyā-vimāna:Thiếu Nữ Cung) thuận với **Thủy Diêu** (Budha) trực tại ba phần của **Dực Tú** (Uttara-phalgunī); **Chấn Tú** (Hasta), **Giác Tú** (Citrā) đều có hai phần. Nam nữ sinh vào ngày ấy: mặt khỉ, mắt rộng, dưới sườn có nốt ruồi, người nhìn thấy kính yêu. Thích Pháp, yêu hoa thơm. Tuổi trẻ thì hèn kém, đến tuổi già mới nhiều tiền của, nhưng nhiều bệnh tật, nghiêng nhiều về bệnh con mắt. Ở ở tại nước ngoài, chẳng thích hợp với thể thiếp, mỗi lần nhìn thấy người xinh đẹp thì đánh mất Thần Hồn.

Đến năm 30 tuổi có nạn chết yểu. Ngay lúc bị nạn chết yểu, nếu gặp sao Diêu tốt chiếu đến thì chuyển ác thành thiện, được kéo dài thọ mệnh đến 80 tuổi. Ở trong tháng Giêng, do bị ung nhọt rồi chết.

\_Lại nữa, **Thiên Xứng Cung** (Tulā-vimāna) thuận với **Kim Diêu** (Śukra) trực tại hai phần của **Giác Tú** (Citrā); **Kháng Tú** (Svātī), **Đê Tú** (Viśākhā) đều có ba phần. Nam nữ sinh vào ngày ấy là người hiếu thuận, Phước Lộc tự như, bầm tính nóng nảy, có nhiều sân nộ, song nhận thức thấy biết rõ ràng, xem xét nhỏ nhiệm, lại có nghĩa khí, lại hay ương bướng tàn nhẫn. Lớn lên với thân hữu, khô hài, háo sắc, phần lớn dạo chơi nước ngoài. Hoặc đối với **phi thứ** (phá cách, chẳng tuân theo quy củ thông thường) thì được việc khoái lạc. Hợp chủ, trong bàn tay có tướng văn phượng lông.

Đến 22 tuổi có nạn chết yểu. Khi ở nạn chết yểu, nếu gặp sao Diêu tốt chiếu đến thì biến ác thành thiện, được kéo dài thọ mệnh đến 97. Ở trong tháng hai, gặp **Hỏa Diêu** (Aṅgāraka) với **Phòng Tú** (Anurādhā) trực nhật thì chết

\_Lại nữa **Thiên Hiết Cung** (Vṛścika-vimāna:Yết Trùng Cung) thuận với **Hỏa Diêu** (Aṅgāraka) trực tại **Đê Tú** (Viśākhā), **Phòng Tú** (Anurādhā), **Tâm Tú** (Jeṣṭha) đều có một phần. Nam nữ sinh vào ngày ấy hợp chủ về lợi căn, chỗ học dễ thành, là người nghĩa khí, tuy nhiều tài bảo hoặc tụ hoặc tán.

Đến năm 18 có nạn về rắn, bò cạp, cạp, sói. Đến năm 20 lại có nạn chết yểu. Ngay lúc bị nạn chết yểu, nếu gặp sao Diêu tốt chiếu đến thì biến ác thành thiện, được kéo dài thọ mệnh đến 77 tuổi. Ở trong tháng ba gặp **Hỏa Diêu** (Aṅgāraka) với **Phòng Tú** (Anurādhā) trực nhật thì chết

Lại nữa **Nhân Mã Cung** (Dhanu-vimana:Cung Cung) thuận với **Mộc Diệu** (Vṛhaspati) trực tại **Vĩ Tú** (Mūlā Mūlā), **Cơ Tú** (Pūrva-āṣādhā), **Đẩu Tú** (Uttara-āṣādhā) đều có một phần. Nam nữ sinh vào ngày ấy hợp chủ về thân tướng đoan nghiêm kèm có mụn ruồi Phước, bâm tính nhu thuận, trí Giới bền chắc. Phạm lời đã nói ra đều là việc chân thật, đủ Trí Tuệ, ưa luận nghĩa. Trong một đời thường ở chỗ giàu có lớn.

Khi tuổi nhỏ lại được kho tàng che dấu (phục tàng). Đến 18 tuổi có nạn chết yểu. Khi ở nạn chết yểu, nếu được sao Diệu tốt chiếu đến thì biến ác thành thiện, liền kéo dài thọ mệnh đến 77 tuổi. Ở trong tháng tư gặp **Kim Diệu** (Śukra) với **Ngưu Tú** (Abhijit) trực nhật thì do nhịn ăn nhảy xuống nước mà chết.

Lại nữa **Ma Kiệt Cung** (Makara-vimana) thuận với **Thổ Diệu** (Śanaīscara) trực tại ba phần của **Đẩu Tú** (Uttara-āṣādhā); **Ngưu Tú** (Abhijit), **Nữ Tú** (Śravaṇā) đều có hai phần. Nam nữ sinh vào ngày ấy: thân tướng ngay thẳng, chỗ kín có mụn ruồi, có Tính nóng nảy thường nhiều sân nộ, tướng mắt gian xảo ngang ngạnh, nhưng có nghĩa khí, Trí Tuệ hơn người, toàn trung hiếu, nhiều bạn bè, tâm dũng mãnh, ưa chiến đấu, yêu ca múa, thích kỹ thuật, lại yêu hoa thơm, có nhiều thê thiếp.

Đến năm 30 có nạn chết yểu, ngay lúc bị nạn chết yểu, nếu gặp sao Diệu tốt chiếu đến thì biến ác thành thiện, được kéo dài thọ mệnh đến 75. Ở trong tháng năm, gặp **Thổ Diệu** (Śanaīscara) với **Ngưu Tú** (Śatabhikṣak) trực nhật thì chết

Lại nữa **Bảo Bình Cung** (Kumbha-vimana:Hiền Bình Cung) thuận với **Thổ Diệu** (Śanaīscara) trực tại hai phần của **Nữ Tú** (Śravaṇā); **Ngưu Tú** (Śatabhikṣak), **Thất Tú** (Pūrva- bhādrapadā) đều có ba phần. Nam nữ sinh vào ngày ấy hợp chủ về giàu có lớn, thường được khoái lạc, có nhiều quyền thuộc, cũng nhiều tội tở, đối với cha mẹ chí thiết hiếu dưỡng. Tuy có thê thất nhưng chẳng lấy tài vật, sinh con ra có đứa chết yểu. Con mắt có gian xảo ngang ngạnh, nhưng có nghĩa khí. Phạm làm việc thì xem xét rõ ràng, chỗ làm được lâu dài, Tính chẳng keo kiệt chỉ ưa bố thí, Tài vật đã gom tụ cũng có phá tán, sống sợ cạp sói.

Đến năm 18 có nạn cạp sói. Ở bờ mé có nạn, nếu gặp sao Diệu tốt chiếu đến thì biến ác thành thiện, được kéo dài thọ mệnh đến 84. Ở trong tháng sáu gặp **Thái Dương** (Sūrya) với **Khuê Tú** (Revati) trực nhật thì do bị ung nhọt mà chết

Lại nữa **Song Ngưu Cung** (Mīna-vimana) thuận với **Mộc Diệu** (Vṛhaspati) trực tại **Thất Tú** (Pūrva- bhādrapadā), **Bích Tú** (Uttara-bhādrapadā), **Khuê Tú** (Revati) đều có một phần. Nam nữ sinh vào ngày ấy: thân phần đoan chính, con mắt gian xảo ngang ngạnh, có nhiều thê thiếp quyền thuộc, nhiều tội tở. Bâm tính nóng nảy thường nhiều sân nộ, có thể lực, ham ăn thịt, lại ưa ăn cá, nhưng thích bố thí với cúng dường Hiền Thánh, yêu hoa thơm, thích kỹ thuật, ham dính sắc đẹp cũng bị người nữ ghen. Nói nhiều chân thật, cũng hợp với chê bai Thầy, chủ về bệnh ở lỗ tai, cũng chủ về trường thọ.

Đến năm 18 có nạn trên cây trên tường rơi xuống. Nếu gặp sao Diệu tốt chiếu đến thì biến ác thành thiện, được kéo dài thọ mệnh đến 95. Ở trong tháng bảy gặp **Thổ Diệu** (Śanaīscara) với **Bích Tú** (Uttara-bhādrapadā) trực nhật thì do bị ung nhọt mà chết.

Lại nói Các **Tú** nhiếp vào **ba nẻo**. Ấy là:

Chín Tú: **Khuê** (Revati), **Lâu** (Aśvinī), **Sâm** (Ārdra), **Tinh** (Punarvasu), **Quỷ** (Puṣya), **Chấn** (Hasta), **Kháng** (Svātī), **Phòng** (Anurādhā), **Ngưu** (Abhijit) nhiếp vào **nẻo Trời** (Thiên thú)

Chín Tú: **Vị** (Bharaṇī), **Mão** (Kṛtikā), **Chủy** (Mṛga-sīrasas: Tuy Tú), **Liêu** (Āśleṣā), **Tinh** (Maghā), **Giác** (Citrā), **Đê** (Viśākhā), **Tâm** (Jeṣṭha), **Vĩ** (Mūlā) nhiếp vào **nẻo La Sát** (La Sát thú)

Chín Tú: **Cơ** (Pūrva-āṣādhā), **Thất** (Pūrva- bhādrapadā), **Trương** (Pūrva-phalgunī), **Tất** (Rohiṇī), **Nữ** (Śravaṇā), **Nguy** (Śatabhikṣak), **Đẩu** (Uttara-āṣādhā), **Bích** (Uttara-bhādrapadā), **Dực** (Uttara-phalgunī) nhiếp vào **nẻo người** (Nhân thú)

Nếu gặp các Tú thuộc nẻo Trời chiếu đến người sinh ra. Phạm nam nữ đó đều ở chỗ phú quý, con cháu đông đầy, tất cả cát tường, tối vi đệ nhất

Bấy giờ **Nan Nễ Kế Thập Phộc La Thiên** vì tất cả nam nữ ở Thế Gian, nói **Chi Luân** xong, vui vẻ rồi lui ra.

KINH NAN NỄ KẾ THẬP PHỘC LA THIÊN NÓI CHI LUÂN

\_Hết\_

22/12/2012